

Bản án số: 457/2024/HS-PT

Ngày: 13 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Bà Bùi Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 984/2023/TLPT-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Kiên C và các bị cáo kháng do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 138/2023/HS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh D.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Kiên C, sinh năm 1986 tại tỉnh H; nơi cư trú: Số 41 đường số 39, khu 2, phường P, thành phố M, tỉnh D; chỗ ở hiện tại: Hẻm 56 đường Nguyễn Bình, khu phố 6, phường Phú Lợi, thành phố M, tỉnh D; nghề nghiệp: công chức; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc H1 và bà Nguyễn Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20 tháng 3 năm 2022 cho đến nay; có mặt.

2. Hoàng T, sinh năm 1963 tại tỉnh Đ; nơi cư trú: số 26 đường Nguyễn An Ninh, phường Phú C, thành phố M, tỉnh D; nơi ở hiện tại: số 15 đường số 5, khu dân cư Tiamo, phường T1, thành phố M, tỉnh D; nghề nghiệp: công chức; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 10/10; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T2 (đã chết năm 2014) và bà Phạm Thị S (đã chết năm 2017); có vợ và có 02 người con (con lớn sinh năm 1989, con nhỏ

sinh năm 1994); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08 tháng 6 năm 2022 cho đến nay; có mặt.

3. Vũ Hoài T3, sinh năm 1997 tại tỉnh B; nơi cư trú: Số 52/41/16 đường số 8, phường H1, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ VT (đã chết năm 2020) và bà Liêu M(đã chết năm 1997); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19 tháng 3 năm 2022 cho đến nay; có mặt.

4. Trần MH , sinh năm 1974 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: số 129B đường Lê Thị Bạch Cát, F, Q1, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: Số 15 Đường số 19, phường A, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần HC và bà LN(đã chết năm 2011); có vợ và có 01 người con Trần V sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 10 tháng 10 năm 2022 cho đến nay; có mặt.

5. Sầm NS (tên gọi khác: Thẩm Hoàng Tú), sinh năm 1991 tại tỉnh B; nơi cư trú: số 78, đường D2, Khu dân cư Phú Thuận, khu phố 6, phường Phú Lợi, thành phố M, tỉnh D; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông SS Và và bà Hồ NM; có vợ và 01 người con (sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24 tháng 8 năm 2022 cho đến nay; có mặt.

6. Bùi VT, sinh năm 1984 tại tỉnh N; nơi cư trú: số 50/6K, Ấp 4, xã Xuân Thới Thượng, huyện HỒNG, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: Căn hộ B3.09 Chung cư Thái An 6, Số 221/01, đường Phan Huy Ích, Phường 14, quận V1, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên Công ty Á Châu Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi K và bà Nguyễn Thị HP ; có vợ và có 03 người con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 24 tháng 5 năm 2022 cho đến nay; có mặt.

7. Nguyễn TN, sinh năm 1972 tại tỉnh D; nơi cư trú: số 90, đường Lý Thường Kiệt, phường Phú C, thành phố M, tỉnh D; nơi tạm trú: Số 110/56, Đường 30-4, tổ 11, khu phố 2, phường Phú Hòa, thành phố M, tỉnh D; nghề nghiệp: công chức; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn TT và bà Tô TP; có vợ và có 02 người con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 17 tháng 4 năm 2023 đến ngày 22 tháng 6 năm 2023 được Viện kiểm sát nhân dân thay đổi biện pháp tạm giam

bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; có mặt.

8. Quảng Th, sinh năm 1982 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: số 52/82, đường Nguyễn Sỹ Sách, Phường 15, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quảng T5 và bà Đoàn Thị T6; có vợ và có 03 người con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại Phường 15, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay; có mặt.

9. Nguyễn ĐT, sinh năm 1979 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: số 129 Đường ĐX002, tổ 34, khu phố 7, phường Phú Mỹ, thành phố M, tỉnh D; nghề nghiệp: kỹ sư điện; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn HH (đã chết năm 2018) và bà Đào Thị T6; có vợ và có 02 người con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: không; đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại phường Phú Mỹ, thành phố M, tỉnh D cho đến nay; có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo:***

1. Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Nguyễn Kiên C: Luật sư Nguyễn X– Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội (có mặt)

Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Nguyễn Kiên C: Luật sư Nguyễn T7– Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Người bào chữa cho bị cáo Hoàng T: Bà Ngô Thị A1, luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3. Người bào chữa cho bị cáo Vũ Hoài T: Ông Nguyễn V2, luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

4. Người bào chữa cho bị cáo Trần MH : Ông Nguyễn V3, luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

5. Người bào chữa cho bị cáo Sầm NS:

- Ông Phạm D2, luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Ông Trịnh V4, luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

6. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn TN: Ông Ngô Đ1, luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

7. Người bào chữa cho bị cáo Bùi VT: Ông Đoàn L, luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

8. Người bào chữa cho bị cáo Quảng Th : Ông Trần S, luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

(Ngoài ra, vụ án còn có 08 bị cáo khác, 77 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo của các bị cáo và vụ án không có kháng nghị nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (viết tắt UBND¹) có thẩm quyền cấp giấy phép lao động (GPLĐ) cho người nước ngoài (viết tắt NNN) làm việc tại Việt Nam. NNN phải đảm bảo điều kiện về sức khỏe, lý lịch tư pháp, vào làm vị trí công việc quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật. Khi có nhu cầu sử dụng lao động NNN, doanh nghiệp có văn bản giải trình nhu cầu sử dụng lao động NNN gửi UBND cấp tỉnh. Sau khi được UBND cấp tỉnh chấp thuận, doanh nghiệp làm hồ sơ đề nghị cấp GPLĐ cho NNN, hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị cấp GPLĐ; Giấy khám sức khỏe; Phiếu lý lịch tư pháp; Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật; 02 ảnh 4cmx6cm; Hộ chiếu hoặc bản sao có chứng thực hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu; các giấy tờ khác liên quan của NNN.

Tại tỉnh D, UBND tỉnh giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Sở LĐTBXH) và Ban Quản lý các Khu công nghiệp (BQL các KCN) xem xét văn bản giải trình, tổng hợp nhu cầu sử dụng lao động NNN trình UBND tỉnh chấp thuận (Sở LĐTBXH tổng hợp nhu cầu sử dụng lao động NNN làm việc ngoài các khu công nghiệp; BQL các KCN tổng hợp nhu cầu sử dụng lao động NNN làm việc trong các khu công nghiệp). Sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh, Sở LĐTBXH hoặc BQL các KCN thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp làm hồ sơ cấp GPLĐ cho NNN. Sở LĐTBXH, BQL các KCN tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, xem xét cấp GPLĐ cho NNN. Tại tỉnh R, UBND tỉnh giao cho Ban Quản lý Khu kinh tế (BQL KKT) xem xét, chấp thuận văn bản giải trình nhu cầu sử dụng lao động NNN của doanh nghiệp; thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp làm hồ sơ cấp GPLĐ; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, xem xét cấp GPLĐ cho NNN.

Lợi dụng chính sách của Nhà nước về sử dụng lao động NNN, từ năm 2017 đến tháng 3 năm 2022, các bị cáo trong vụ án đã làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức để lập hồ sơ đề nghị cấp GPLĐ cho NNN tại các doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh D, BP và một số địa phương khác; đưa hối lộ cho người có chức vụ,

¹ Ủy ban nhân dân (UBND)

quyền hạn tại Sở LĐTBXH tỉnh D, BQL các KCN D và BQL KKT tỉnh B để các hồ sơ được giải quyết cấp GPLĐ; sau đó, sử dụng GPLĐ để lập hồ sơ đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh (Cục QLXNC) Bộ Công an cấp thẻ tạm trú, thị thực cho NNN để lao động, ở lại Việt Nam trái phép. Một số lãnh đạo, cán bộ Sở LĐTBXH tỉnh D, BQL các KCN D và BQL KKT tỉnh B đã nhận hối lộ; lợi dụng chức vụ, quyền hạn cấp GPLĐ cho NNN trái quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau:

Hành vi làm giả 4.686 tài liệu của cơ quan, tổ chức của Vũ Hoài T và Nguyễn XL để lập hồ sơ cấp GPLĐ

Từ năm 2019 đến tháng 3 năm 2022, Vũ Hoài T thỏa thuận với Phạm Trường C3 và các đối tượng môi giới khác (Cơ quan điều tra chưa xác định được) để làm GPLĐ² cho 1.862 NNN³ tại 355 doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh D và R, trong đó: 1.055 NNN do Sở LĐTBXH⁴ tỉnh D cấp GPLĐ; 467 NNN do BQL⁵ các KCN⁶ D cấp GPLĐ và 340 NNN do BQL KKT⁷ tỉnh B cấp GPLĐ.

Để lập hồ sơ cấp GPLĐ, Vũ Hoài T nhận hộ chiếu, ảnh thẻ của NNN và một số tài liệu hồ sơ từ Phạm Trường C3 và các đối tượng môi giới; làm giả các tài liệu hồ sơ còn thiếu, gồm: “Phiếu lý lịch tư pháp”, “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật” và “Giấy khám sức khỏe”. Vũ Hoài T làm giả tài liệu, như sau: T mua trên mạng các con dấu giả Phòng Tư pháp Quận 10, TP. Hồ Chí Minh; Bệnh viện Chợ Rẫy và Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park (Cơ quan điều tra không xác định được người bán); T lấy mẫu “Phiếu lý lịch tư pháp” và “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật” từ các hồ sơ đã được cấp GPLĐ, scan và lưu vào máy tính; sử dụng phần mềm chỉnh sửa nội dung (nhân thân NNN, xác nhận của nước ngoài, hợp pháp hóa lãnh sự của cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam,...); in tài liệu, ký giả danh Ngô B5 hoặc Nguyễn VT, Phó Trưởng phòng Tư pháp Quận 10 và Dương Trần TD hoặc Chiếng N2, người dịch thuật; đóng dấu giả Phòng Tư pháp Quận 10 trên tài liệu. Đối với “Giấy khám sức khỏe”, Vũ Hoài T sử dụng mẫu chưa có nội dung rồi ký giả chữ ký bác sĩ khám bệnh; giao cho Nguyễn XL viết nội dung, ký giả chữ ký NNN và đóng dấu bác sĩ khám bệnh, đóng dấu giả Bệnh viện Chợ Rẫy và Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park. Với cách thức trên, Vũ Hoài T và Nguyễn XL đã làm giả 4.686 tài liệu để lập 1.862 hồ sơ, đề nghị Sở LĐTBXH tỉnh D, BQL các KCN D và BQL KKT tỉnh B cấp GPLĐ cho NNN tại 355 doanh nghiệp, cụ thể

² Giấy phép lao động (GPLĐ)

³ Người nước ngoài (NNN)

⁴ Sở Lao động Thương binh xã hội (Sở LĐTBXH)

⁵ Ban quản lý (BQL)

⁶ Khu công nghiệp (KCN)

⁷ Ban Quản lý khu kinh tế (BQL KKT)

như sau:

Vũ Hoài T và Nguyễn XL làm giả 2.495 tài liệu để lập 1.055 hồ sơ đề nghị Sở LĐTBXH tỉnh D cấp GPLĐ cho NNN tại 244 doanh nghiệp

Từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 3 năm 2022, Vũ Hoài T thỏa thuận với Phạm Trường C3 và các đối tượng môi giới để làm GPLĐ cho 1.055 NNN tại 244 doanh nghiệp do Sở LĐTBXH tỉnh D cấp GPLĐ, chi phí từ 4.300.000 đồng đến 7.300.000 đồng/01GPLĐ, trong đó: Phạm Trường C3 yêu cầu làm GPLĐ cho 158 NNN tại 10 doanh nghiệp; các đối tượng môi giới yêu cầu làm GPLĐ cho 897 NNN tại 234 doanh nghiệp.

Vũ Hoài T và Nguyễn XL đã làm giả 2.495 tài liệu, trong đó: Vũ Hoài T trực tiếp làm giả 970 “Phiếu lý lịch tư pháp” và 992 “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật” của Phòng Tư pháp Quận 10; Vũ Hoài T cùng Nguyễn XL làm giả 458 “Giấy khám sức khỏe” của Bệnh viện Chợ Rẫy và 75 “Giấy khám sức khỏe” của Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park. Trong số 992 “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật” do Vũ Hoài T làm giả, có 442/992 tài liệu T làm giả trong thời gian từ tháng 01/2021 đến tháng 3/2022. Các tài liệu này, T làm giả nội dung tiếng nước ngoài, đem đến Phòng Tư pháp Quận 10 chứng thực. Các cộng tác viên dịch thuật của Phòng tư pháp Quận 10 đã dịch sang tiếng Việt, lãnh đạo Phòng Tư pháp ký tên, đóng dấu xác nhận chữ ký của người dịch thuật. Sau khi làm giả tài liệu, Vũ Hoài T lập 1.055 hồ sơ, giao cho Nguyễn XL nhiều lần nộp hồ sơ tại Sở LĐTBXH tỉnh D; đưa hối lộ cho Nguyễn Kiên C, chuyên viên Phòng Chính sách lao động để các hồ sơ được giải quyết cấp GPLĐ. Vũ Hoài T nhận GPLĐ, chuyển cho Phạm Trường C3 và các đối tượng môi giới.

Căn cứ lời khai của các bị cáo Vũ Hoài T và Nguyễn XL về hành vi làm giả tài liệu; kết quả thực nghiệm điều tra hành vi làm giả tài liệu; các kết luận giám định tài liệu của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an tại TP. Hồ Chí Minh; thông tin, tài liệu do Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao, Phòng Tư pháp Quận 10, Bệnh viện Chợ Rẫy và Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park cung cấp, xác định: 2.495 tài liệu do Vũ Hoài T và Nguyễn XL làm ra là tài liệu giả.

Vũ Hoài T và Nguyễn XL làm giả 1.395 tài liệu để lập 467 hồ sơ đề nghị BQL các KCN D cấp GPLĐ cho NNN làm việc tại 94 doanh nghiệp

Từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 3 năm 2022, Vũ Hoài T thỏa thuận với các đối tượng môi giới để làm GPLĐ cho 467 NNN tại 94 doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tỉnh D, chi phí từ 4.200.000 đồng đến 5.000.000 đồng/01GPLĐ. Để lập hồ sơ cấp GPLĐ, Vũ Hoài T và Nguyễn XL làm giả 1.395 tài liệu, trong

đó: Vũ Hoài T trực tiếp làm giả 465 “Phiếu lý lịch tư pháp” và 467 “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật” của Phòng Tư pháp Quận 10; T tH1 người trên mạng làm giả 08 “Giấy khám sức khỏe” của Phòng khám Đa khoa Raffles Medical với chi phí 2.400.000 đồng (Cơ quan điều tra không xác định được người làm giả tài liệu này). Vũ Hoài T cùng Nguyễn XL làm giả 220 “Giấy khám sức khỏe” của Bệnh viện Chợ Rẫy và 235 “Giấy khám sức khỏe” của Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park. Sau khi làm giả tài liệu, Vũ Hoài T lập 467 hồ sơ, giao cho Nguyễn XL nhiều lần nộp hồ sơ tại BQL các KCN D; đưa hối lộ cho Hoàng T, Trưởng phòng Quản lý lao động để các hồ sơ được giải quyết cấp GPLĐ. Vũ Hoài T nhận GPLĐ, chuyển cho các đối tượng môi giới.

Căn cứ lời khai của các bị cáo Vũ Hoài T và Nguyễn XL về hành vi làm giả tài liệu; kết quả thực nghiệm điều tra hành vi làm giả tài liệu; các kết luận giám định tài liệu của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an tại TP. Hồ Chí Minh; thông tin, tài liệu do Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao, Phòng Tư pháp Quận 10, Phòng khám Đa khoa Raffles Medical, Bệnh viện Chợ Rẫy và Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park cung cấp, xác định: 1.395 tài liệu do Vũ Hoài T và Nguyễn XL làm ra là tài liệu giả.

Vũ Hoài T và Nguyễn XL làm giả 796 tài liệu để lập 340 hồ sơ đề nghị BQL KKT tỉnh BPCấp GPLĐ cho NNN làm việc tại 17 doanh nghiệp

Từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 3 năm 2022, Vũ Hoài T thỏa thuận với các đối tượng môi giới để làm GPLĐ cho 340 NNN tại 17 doanh nghiệp trong Khu kinh tế tỉnh R, chi phí từ 3.700.000 đồng đến 4.500.000 đồng/01 GPLĐ. Để lập hồ sơ cấp GPLĐ, Vũ Hoài T và Nguyễn XL đã làm giả 796 tài liệu, trong đó: Vũ Hoài T trực tiếp làm giả 163 “Phiếu lý lịch tư pháp” và 323 “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật” của Phòng Tư pháp Quận 10. Vũ Hoài T cùng Nguyễn XL làm giả 158 “Giấy khám sức khỏe” của Bệnh viện Chợ Rẫy và 152 “Giấy khám sức khỏe” của Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park. Sau khi làm giả tài liệu, Vũ Hoài T lập 340 hồ sơ, giao cho Nguyễn XL nhiều lần nộp hồ sơ tại BQL KKT tỉnh R; đưa hối lộ cho Đinh Thái Tuấn, Phó Phòng Quản lý Đầu tư - Doanh nghiệp - Lao động để các hồ sơ được giải quyết cấp GPLĐ. Vũ Hoài T nhận GPLĐ, chuyển cho các đối tượng môi giới.

Căn cứ lời khai của các bị cáo Vũ Hoài T và Nguyễn XL về hành vi làm giả tài liệu; kết quả thực nghiệm điều tra hành vi làm giả tài liệu; các kết luận giám định tài liệu của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an tại TP. Hồ Chí Minh; thông tin, tài liệu do Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao, Phòng Tư pháp Quận 10, Bệnh viện Chợ Rẫy và Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park cung cấp, xác

định: 796 tài liệu do Vũ Hoài T và Nguyễn XL làm ra là tài liệu giả.

Hành vi đưa hối lộ 6.682.700.000 đồng của Vũ Hoài T và Nguyễn XL để các hồ sơ được giải quyết cấp GPLĐ

Từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 3 năm 2022, Vũ Hoài T giao cho Nguyễn XL nộp 1.055 hồ sơ tại Sở LĐTBXH tỉnh D; 467 hồ sơ tại BQL các KCN D và 340 hồ sơ tại BQL KKT tỉnh R. Để các hồ sơ được giải quyết cấp GPLĐ, Vũ Hoài T đã thỏa thuận, đưa hối lộ cho Nguyễn Kiên C, chuyên viên Phòng Chính sách lao động (CSLĐ) thuộc Sở LĐTBXH tỉnh D; Hoàng T, Trưởng phòng Quản lý lao động (QLLĐ) BQL các KCN D và Đinh Thái Tuấn, Phó Phòng Quản lý Đầu tư - Doanh nghiệp - Lao động BQL KKT tỉnh R, cụ thể như sau:

Vũ Hoài T và Nguyễn XL đưa hối lộ 4.409.000.000 đồng cho Nguyễn Kiên C, chuyên viên Phòng CSLĐ⁸ thuộc Sở LĐTBXH tỉnh D để 1.055 hồ sơ được giải quyết cấp GPLĐ:

Từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 3 năm 2022, Vũ Hoài T giao cho Nguyễn XL nộp 1.055 hồ sơ cho chuyên viên Bộ phận một cửa Sở LĐTBXH tỉnh D, trong đó: Lê Ngọc Q nhận 497 hồ sơ, Trương Thị Phương Nga nhận 391 hồ sơ, Võ Thị Quỳnh Châu và Đào Thị Thu Trang nhận 167 hồ sơ để chuyển Phòng CSLĐ xử lý. Vũ Hoài T chi tiền bồi dưỡng cho Lê Ngọc Q và Trương Thị Phương Nga, tổng số 141.800.000 đồng.

Để các hồ sơ được giải quyết cấp GPLĐ, Vũ Hoài T đã thỏa thuận, đưa hối lộ từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/01 hồ sơ cho Nguyễn Kiên C, chuyên viên Phòng CSLĐ thuộc Sở LĐTBXH tỉnh D; C đồng ý. Sau khi nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa, Nguyễn Kiên C đã thụ lý, thẩm định hồ sơ hợp lệ, đề xuất và được lãnh đạo Sở LĐTBXH tỉnh D duyệt ký 1.055 GPLĐ cho NNN. Khi nhận được GPLĐ, thực hiện theo thỏa thuận, Vũ Hoài T đưa hối lộ 4.409.000.000 đồng cho Nguyễn Kiên C, trong đó: Vũ Hoài T giao cho Nguyễn XL đưa 1.697.000.000 đồng cho Nguyễn Kiên C; Nguyễn XL đã nhiều lần đưa tiền mặt cho Nguyễn Kiên C tại khu vực tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh D, tổng số 750.000.000 đồng và 09 lần nộp tiền vào tài khoản số 0281000295823 của Nguyễn Kiên C tại Ngân hàng Vietcombank, tổng số 947.000.000 đồng. Vũ Hoài T nhờ Đinh T Phương 04 lần nộp tiền, tổng số 928.000.000 đồng vào các tài khoản: số 0281000295823 của Nguyễn Kiên C tại Ngân hàng Vietcombank và số 01973834401 của Lý C5 tại Ngân hàng TPBank do Nguyễn Kiên C quản lý, sử dụng. Đinh T Phương không biết số tiền Phương chuyển cho Nguyễn Kiên C là tiền hối lộ. Vũ Hoài T 17 lần sử dụng tài khoản số 0081001297999 của Vương Hoàng Phúc tại Ngân hàng Vietcombank, chuyển tiền vào tài khoản số

⁸ Chính sách lao động (CSLĐ)

01973834401 của Lý C5 tại Ngân hàng TPBank do Nguyễn Kiên C quản lý, sử dụng, tổng số 1.784.000.000 đồng.

Các bị cáo Vũ Hoài T, Nguyễn XL và Nguyễn Kiên C thừa nhận hành vi đưa hối lộ, nhận hối lộ như trên. Về số tiền thu lợi bất chính trong việc làm GPLĐ cho 1.055 NNN, Vũ Hoài T khai đã nhận tiền của Phạm Trường C3 và các đối tượng môi giới nhưng không nhớ số lượng cụ thể. T xác nhận sau khi đưa tiền hối lộ cho Nguyễn Kiên C, chi tiền bồi dưỡng cho Lê Ngọc Q8 và Trương Thị Phương Nga; nộp lệ phí cấp GPLĐ tổng số 633.000.000 đồng, T thu lợi từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng/01 GPLĐ. Cơ quan điều tra kết luận Vũ Hoài T thu lợi bất chính 400.000 đồng/01 GPLĐ, tổng số 422.000.000 đồng. Nguyễn XL không được hưởng lợi trong số tiền này.

Vũ Hoài T và Nguyễn XL đưa hối lộ 1.522.700.000 đồng cho Hoàng T, Trưởng phòng QLLĐ⁹ thuộc BQL các KCN D để 467 hồ sơ được giải quyết cấp GPLĐ

Từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 3 năm 2022, Vũ Hoài T giao cho Nguyễn XL nộp 467 hồ sơ cho chuyên viên Bộ phận một cửa thuộc BQL các KCN D, trong đó: Lê Thị HỒNG Đào nhận 371 hồ sơ, Trương Thị HỒNG Thủy nhận 96 hồ sơ để chuyển Phòng QLLĐ xử lý. Vũ Hoài T chi tiền bồi dưỡng cho Lê Thị HỒNG Đào, tổng số 91.300.000 đồng. Để các hồ sơ được giải quyết cấp GPLĐ, Vũ Hoài T thỏa thuận, đưa hối lộ từ 3.000.000 đồng đến 3.500.000 đồng/01 hồ sơ cho Hoàng T, Trưởng phòng QLLĐ thuộc BQL các KCN D; Hoàng T đồng ý. Sau khi nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa, Hoàng T chỉ đạo chuyên viên thẩm định hồ sơ, Hoàng T phê duyệt, đề xuất lãnh đạo BQL các KCN D duyệt ký 467 GPLĐ cho NNN. Khi nhận được 467 GPLĐ, thực hiện theo thỏa thuận, Vũ Hoài T đã đưa hối lộ 1.522.700.000 đồng cho Hoàng T, trong đó: Vũ Hoài T giao cho Nguyễn XL đưa cho Hoàng T 743.500.000 đồng; Nguyễn XL đã nhiều lần đưa tiền mặt cho Hoàng T tại sảnh tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh D, tổng số 663.000.000 đồng; ngoài ra, Lâm nhiều lần đưa tiền mặt cho Lê K3 (người quen của Hoàng T) để Khang chuyển cho Hoàng T, tổng số 80.500.000 đồng. Số tiền 779.200.000 đồng còn lại, từ ngày 27/7/2021 đến ngày 29/11/2021, Vũ Hoài T sử dụng tài khoản số 0081001297999 của Vương Hoàng Phúc tại Ngân hàng Vietcombank, 19 lần chuyển tiền vào tài khoản số 050113564587 của Lê K3 tại Ngân hàng Sacombank, tổng số 913.000.000 đồng, trong đó: 779.200.000 đồng hối lộ, 133.800.000 đồng Vũ Hoài T nhờ Hoàng T nộp lệ phí cấp GPLĐ. Lê K3 không biết Vũ Hoài T và Nguyễn XL đưa hối lộ cho Hoàng T.

Các bị cáo Vũ Hoài T, Nguyễn XL và Hoàng T thừa nhận hành vi đưa hối lộ, nhận hối lộ như trên. Về số tiền thu lợi bất chính trong việc làm 467 GPLĐ

⁹ Quản lý lao động (QLLĐ)

cho NNN, Vũ Hoài T khai đã nhận tiền của các đối tượng môi giới nhưng không nhớ số lượng cụ thể. T xác nhận sau khi đưa tiền hối lộ cho Hoàng T, chi tiền bồi dưỡng cho Lê Thị HỒNG Đào và nộp lệ phí cấp GPLĐ tổng số 280.200.000 đồng, tH1 làm giả 08 “Giấy khám sức khỏe” của Phòng khám Đa khoa Raffles Medical, T thu lợi từ 500.000 đồng đến 600.000 đồng/01 GPLĐ. Căn cứ kết quả điều tra, Cơ quan điều tra kết luận Vũ Hoài T thu lợi bất chính 500.000 đồng/01 GPLĐ, tổng số 233.500.000 đồng. Nguyễn XLkhông được hưởng lợi trong số tiền này.

Vũ Hoài T và Nguyễn XLđưa hối lộ 751.000.000 đồng cho Đinh Thái Tuấn, Phó phòng Quản lý Đầu tư - Doanh nghiệp - Lao động thuộc BQL KKT tỉnh BPđể giải quyết 281 hồ sơ được cấp GPLĐ

Từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 3 năm 2022, Vũ Hoài T giao cho Nguyễn XLnộp 340 hồ sơ cho chuyên viên Bộ phận một cửa thuộc BQL KKT tỉnh R, trong đó: Phạm Ngọc Thành nhận 278 hồ sơ, Đào Thị Tố Như nhận 51 hồ sơ và Trần XLnhận 11 hồ sơ để chuyển cho Phòng Quản lý Đầu tư - Doanh nghiệp - Lao động xử lý. Vũ Hoài T chi bồi dưỡng cho Phạm Ngọc Thành tổng số 54.700.000 đồng.

Để các hồ sơ được giải quyết cấp GPLĐ, Vũ Hoài T đã thỏa thuận, đưa hối lộ từ 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng/01 hồ sơ cho Đinh Thái Tuấn, Phó phòng Quản lý Đầu tư - Doanh nghiệp - Lao động thuộc BQL KKT tỉnh R; Tuấn đồng ý. Sau khi nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa, Đinh Gtrực tiếp thẩm định, đề xuất lãnh đạo BQL KKT tỉnh BPduyet ký 278 GPLĐ. Ngoài ra, Đinh Gcòn hướng dẫn Vũ Hoài T bổ sung tài liệu, chỉnh sửa thông tin 03 hồ sơ để chuyên viên Lương TT1thẩm định, Trưởng phòng Trần Hữu Hiền phê duyệt, đề xuất và được lãnh đạo BQL KKT tỉnh BPduyet ký 03 GPLĐ. Khi nhận được 281 GPLĐ, thực hiện theo thỏa thuận, Vũ Hoài T đã đưa hối lộ 751.000.000 đồng cho Đinh Thái Tuấn, trong đó: Từ tháng 10/2019 đến tháng 6/2021, Vũ Hoài T giao cho Nguyễn XLnhiều lần đưa tiền mặt cho Đinh Gtại khu vực Tòa nhà BQL KKT tỉnh R, tổng số 465.000.000 đồng. Từ tháng 7/2021 đến tháng 3/2022, Vũ Hoài T sử dụng tài khoản số 0081001297999 của Vương Hoàng Phúc tại Ngân hàng Vietcombank, 12 lần chuyển tiền vào tài khoản số 050119138369 của Võ Thị Tuyết tại Ngân hàng Sacombank do Đinh Gquản lý, sử dụng, tổng số 286.000.000 đồng. Võ Thị Tuyết không biết Đinh Gsử dụng tài khoản của mình để nhận tiền hối lộ của Vũ Hoài T.

Đối với 59/340 hồ sơ còn lại, Nguyễn Thị Kim T, Phó Trưởng phòng đã thẩm định hồ sơ, đề xuất lãnh đạo BQL KKT tỉnh BPduyet ký 59 GPLĐ cho NNN. Vũ Hoài T khai có liên hệ, nhờ Nguyễn Thị Kim T tạo điều kiện giải quyết 59 hồ sơ được cấp GPLĐ. Tuy nhiên, Nguyễn Thị Kim T không thừa nhận nội

dung này, kết quả điều tra không có đủ căn cứ xác định Nguyễn Thị Kim T tạo điều kiện giải quyết các hồ sơ trên được cấp GPLĐ.

Các bị cáo Vũ Hoài T, Nguyễn XL và Đinh G thừa nhận hành vi đưa hối lộ, nhận hối lộ như trên. Vũ Hoài T khai đã nhận tiền của các đối tượng môi giới nhưng không nhớ số lượng cụ thể. T xác nhận sau khi đưa tiền hối lộ cho Đinh Thái Tuấn, chi tiền bồi dưỡng cho Phạm Ngọc Thành và nộp lệ phí cấp GPLĐ số tiền 204.000.000 đồng, T thu lợi 600.000 đồng/01 GPLĐ. Cơ quan điều tra kết luận Vũ Hoài T thu lợi bất chính 204.000.000 đồng. Nguyễn XL không được hưởng lợi trong số tiền này.

Như vậy, trong việc làm 1.862 GPLĐ cho NNN tại 355 doanh nghiệp, Vũ Hoài T đã làm giả 4.686 tài liệu của cơ quan, tổ chức; đưa hối lộ 6.682.700.000 đồng cho Nguyễn Kiên C, Hoàng T và Đinh Thái Tuấn. Vũ Hoài T thu lợi bất chính 859.500.000 đồng. Nguyễn XL giúp Vũ Hoài T làm giả 1.298 tài liệu, đưa hối lộ 2.905.500.000 đồng.

Hành vi làm giả 1.465 tài liệu của cơ quan, tổ chức của Sầm NS, Trần MH, Quảng Th và Nguyễn ĐT để lập hồ sơ cấp GPLĐ

Từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 12 năm 2021, Sầm NS thỏa thuận với Phạm Trường C3, đối tượng “Hoài”, “Vũ” và các đối tượng môi giới khác (Cơ quan điều tra không xác định được) để làm GPLĐ cho 619 NNN tại 113 doanh nghiệp, tổng chi phí là 3.738.000.000 đồng, trong đó: Phạm Trường C3 yêu cầu làm GPLĐ cho 12 NNN tại 03 doanh nghiệp, chi phí 96.000.000 đồng. “Hoài” yêu cầu làm GPLĐ cho 198 NNN tại 14 doanh nghiệp, chi phí 1.188.000.000 đồng. “Vũ” yêu cầu làm GPLĐ cho 03 NNN tại 01 doanh nghiệp, chi phí 18.000.000 đồng. Các đối tượng khác yêu cầu làm GPLĐ cho 406 NNN tại 95 doanh nghiệp, chi phí 2.436.000.000 đồng.

Để lập hồ sơ cấp GPLĐ cho NNN, Sầm NS nhận hộ chiếu, ảnh thẻ của NNN, một số tài liệu hồ sơ của Phạm Trường C3 và các đối tượng môi giới; làm giả các tài liệu hồ sơ còn thiếu, gồm: “Phiếu lý lịch tư pháp”, “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật” và “Giấy khám sức khỏe”. Sầm NS th1 Trần MH, Quảng Th, Nguyễn ĐT và người phụ nữ tên “Trâm” làm giả 1.465 tài liệu, trong đó: Trần MH làm giả 413 tài liệu; Quảng Th làm giả 498 tài liệu; Nguyễn ĐT làm giả 251 tài liệu và “Trâm” làm giả 246 tài liệu, cụ thể:

Đối với 413 tài liệu Sầm NS th1 Trần MH làm giả: Do quen biết Trần MH, từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021, Sầm NS thỏa thuận, gửi qua Zalo ảnh chụp hộ chiếu và ảnh thẻ của NNN cho Trần MH để làm giả 413 tài liệu, chi phí 600.000 đồng/01 tài liệu, gồm: 327 “Phiếu lý lịch tư pháp” và “Văn bản

chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật”, 86 “Giấy khám sức khỏe”. Trần MH không trực tiếp làm giả 413 tài liệu mà thỏa thuận, chuyển ảnh hộ chiếu và ảnh thẻ của NNN cho Lec Jacob (tên thường gọi là “Đường”, sinh năm 1950, quốc tịch Pháp, cư trú tại TP. Hồ Chí Minh) làm giả 293 tài liệu, chi phí 500.000 đồng/01 tài liệu, gồm: 213 “Phiếu lý lịch tư pháp” và “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật” của Phòng Tư pháp Quận 5, Phòng Tư pháp Quận 10 và Phòng Tư pháp quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh; 80 “Giấy khám sức khỏe” của Bệnh viện Chợ Rẫy và Bệnh viện Y Dược Sài Gòn. Sau khi làm giả tài liệu, Lec Jacob chuyển cho Trần MH và nhận tiền chi phí 146.500.000 đồng. Do Lec Jacob đã chết tháng 12/2020, Cơ quan điều tra không làm rõ được hành vi làm giả tài liệu của Lec Jacob.

Từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021, Trần MH chuyển ảnh hộ chiếu và ảnh thẻ của NNN qua Wechat cho “Annie Ngân” để làm giả 120 tài liệu với chi phí 500.000 đồng/01 tài liệu, gồm: 114 “Phiếu lý lịch tư pháp” và “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật” của Phòng Tư pháp Quận 5, Phòng Tư pháp Quận 10; 06 “Giấy khám sức khỏe” của Bệnh viện Chợ Rẫy. Sau khi làm giả tài liệu, “Annie Ngân” chuyển cho Trần MH và nhận tiền chi phí 60.000.000 đồng. Do không xác định được “Annie Ngân” nên Cơ quan điều tra không làm rõ được hành vi làm giả tài liệu của đối tượng này.

Sau khi làm giả 413 tài liệu, Trần MH chuyển cho Sầm NS qua dịch vụ giao hàng. Sầm NS chi cho Trần MH 247.800.000 đồng, cụ thể: Từ ngày 09/7/2020 đến ngày 08/02/2021, Sầm NS sử dụng tài khoản cá nhân số 0281000584210 tại Ngân hàng Vietcombank, 22 lần chuyển tiền vào tài khoản số 000000233954 của Trần MH tại Ngân hàng Vietbank, tổng số 223.800.000 đồng. Từ tháng 3/2021 đến tháng 10/2021, Sầm NS chi tiền mặt cho Trần MH, tổng số 24.000.000 đồng. Trong việc làm giả tài liệu, Trần MH thu lợi bất chính 41.300.000 đồng.

Căn cứ các kết luận giám định tài liệu của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an tại TP. Hồ Chí Minh; thông tin, tài liệu do Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao, Phòng Tư pháp Quận 5, Phòng Tư pháp Quận 10, Phòng Tư pháp quận Phú Nhuận và Bệnh viện Chợ Rẫy và Bệnh viện Y Dược Sài Gòn cung cấp, xác định: 84 “Giấy khám sức khỏe” của Bệnh viện Chợ Rẫy và 02 “Giấy khám sức khỏe” của Bệnh viện Y Dược Sài Gòn là tài liệu giả. Đối với 327 tài liệu “Phiếu lý lịch tư pháp” và “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật” của Phòng Tư pháp Quận 5 (253 tài liệu), Phòng Tư pháp Quận 10 (72 tài liệu) và Phòng Tư pháp quận Phú Nhuận (02 tài liệu), thì có: 258/327 tài liệu đóng dấu giả; 69/327 tài liệu do các phòng Tư pháp đóng dấu

chứng thực người dịch thuật, trong đó Phòng Tư pháp Quận 5 (33 tài liệu), Phòng Tư pháp Quận 10 (34 tài liệu) và Phòng Tư pháp quận Phú Nhuận (02 tài liệu). Tuy nhiên, căn cứ lời khai của Sầm NS và Trần MH về việc cung cấp ảnh hộ chiếu và ảnh thẻ của NNN để các đối tượng làm giả tài liệu; xác nhận của Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao về việc không hợp pháp hóa lãnh sự đối với các tài liệu, có căn cứ xác định 69 tài liệu trên là tài liệu giả.

Đối với 498 tài liệu Sầm NS tH1 Quảng Th làm giả: Do quen biết từ trước, từ tháng 7 năm 2020 đến tháng 11 năm 2021, Sầm NS thỏa thuận, gửi qua Zalo ảnh hộ chiếu và ảnh thẻ của NNN cho Quảng Th để làm giả 498 tài liệu với chi phí 600.000 đồng/01 tài liệu, gồm: 487 “Phiếu lý lịch tư pháp”, “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật” và 11 “Giấy khám sức khỏe”.

Quảng Th không trực tiếp làm giả tài liệu mà thông qua mạng internet, thỏa thuận, gửi ảnh hộ chiếu và ảnh thẻ của NNN cho các đối tượng “Khánh” và “Nam” để làm giả tài liệu, trong đó: “Khánh” làm giả 487 “Phiếu lý lịch tư pháp” và “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật” của Phòng Tư pháp quận Phú Nhuận (481 tài liệu) và Phòng Tư pháp Quận 10 (06 tài liệu) với chi phí 560.000 đồng/01 tài liệu. “Nam” làm giả 11 “Giấy khám sức khỏe” của Bệnh viện Đa khoa Vạn Hạnh với chi phí 600.000 đồng/01 giấy. Sau khi làm giả tài liệu, “Khánh” và “Nam” chuyển cho Quảng Th và nhận tiền chi phí làm giả tài liệu, trong đó “Khánh” nhận 272.720.000 đồng và “Nam” nhận 6.600.000 đồng. Do không xác định được “Khánh” và “Nam” nên Cơ quan điều tra không làm rõ được hành vi làm giả tài liệu của các đối tượng này.

Sau khi làm giả tài liệu, Quảng Th chuyển cho Sầm NS và nhận tiền chi phí làm giả tài liệu, tổng số 298.800.000 đồng, cụ thể: Từ ngày 18/8/2020 đến ngày 24 tháng 6 năm 2021, Sầm NS sử dụng tài khoản cá nhân số 0281000584210 tại Ngân hàng Vietcombank, 05 lần chuyển tiền vào tài khoản số 0441000640784 của Quảng Th tại Ngân hàng Vietcombank, tổng số 229.800.000 đồng. Từ tháng 7/2021 đến tháng 11 năm 2021, Sầm NS nhiều lần đưa tiền mặt cho Quảng Th, tổng số 69.000.000 đồng. Trong việc làm giả tài liệu, Quảng Th thu lợi bất chính 19.480.000 đồng.

Căn cứ các kết luận giám định tài liệu của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an tại TP. Hồ Chí Minh; thông tin, tài liệu do Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao, Phòng Tư pháp Quận 10, Phòng Tư pháp quận Phú Nhuận và Bệnh viện Đa khoa Vạn Hạnh cung cấp, xác định: 11 “Giấy khám sức khỏe” của Bệnh viện Đa khoa Vạn Hạnh là tài liệu giả. Đối với 487 tài liệu “Phiếu lý lịch tư pháp” và “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ

thuật”, thì: Phòng Tư pháp Quận 10 đóng dấu chứng thực chữ ký người dịch thuật trên 06 tài liệu; Phòng Tư pháp quận Phú Nhuận đóng dấu chứng thực chữ ký người dịch thuật trên 481 tài liệu. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của Sầm NS và Quảng Th về việc cung cấp ảnh hộ chiếu và ảnh thẻ của NNN để các đối tượng làm giả tài liệu; xác nhận của Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao về việc không hợp pháp hóa lãnh sự đối với các tài liệu, có căn cứ xác định 487 tài liệu trên là tài liệu giả.

Đối với 251 tài liệu Sầm NS tH1 Nguyễn ĐT làm giả: Thông qua quan hệ quen biết, từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 12 năm 2021, Sầm NS thỏa thuận, gửi qua Zalo ảnh hộ chiếu và ảnh thẻ của NNN cho Nguyễn ĐT để làm giả 251 “Phiếu lý lịch tư pháp” và “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật” của Phòng Tư pháp Quận 10, chi phí 600.000 đồng/01 tài liệu. Nguyễn ĐT không trực tiếp làm giả tài liệu mà thỏa thuận, chuyển qua Zalo ảnh hộ chiếu và ảnh thẻ của NNN cho đối tượng “Nhân” để làm giả 251 tài liệu với chi phí 500.000 đồng/01 tài liệu. Sau khi làm giả tài liệu, “Nhân” chuyển cho Nguyễn ĐT thông qua dịch vụ giao hàng và nhận tiền chi phí 125.500.000 đồng. Do không xác định được “Nhân” nên Cơ quan điều tra không làm rõ được hành vi làm giả tài liệu của đối tượng này.

Sau khi làm giả tài liệu, Nguyễn ĐT chuyển cho Sầm NS và nhận tiền chi phí làm giả tài liệu, tổng số 150.600.000 đồng, cụ thể: Từ ngày 15 tháng 10 năm 2021 đến ngày 31 tháng 3 năm 2022, Sầm NS sử dụng tài khoản cá nhân số 0281000584210 tại Ngân hàng Vietcombank, 04 lần chuyển tiền vào các tài khoản: số 1015729020 tại Ngân hàng Vietcombank và số 0962527777 tại Ngân hàng MB Bank của Nguyễn ĐT, tổng số 150.600.000 đồng. Trong việc làm giả tài liệu như trên, Nguyễn ĐT thu lợi bất chính 25.100.000 đồng.

Căn cứ kết luận giám định tài liệu của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an tại TP. Hồ Chí Minh; thông tin, tài liệu do Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao, Phòng Tư pháp Quận 10 cung cấp, xác định: Trong số 251 tài liệu “Phiếu lý lịch tư pháp” và “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật”, thì có: 02/251 tài liệu đóng dấu giả; 221/251 tài liệu không đủ cơ sở kết luận giám định; 28/251 tài liệu do Phòng Tư pháp Quận 10 đóng dấu chứng thực chữ ký người dịch thuật trên tài liệu. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của Sầm NS và Nguyễn ĐT về việc cung cấp ảnh hộ chiếu và ảnh thẻ của NNN để các đối tượng làm giả tài liệu; xác nhận của Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao về việc không hợp pháp hóa lãnh sự đối với các tài liệu, xác định 251 tài liệu trên là tài liệu giả.

Đối với 246 tài liệu Sầm NS tH1 “Trâm” làm giả: Từ tháng 7 năm 2020 đến tháng 11 năm 2020, thông qua mạng internet, Sầm NS thỏa thuận, gửi qua Zalo

ảnh thẻ của NNN cho “Trâm” để làm giả 246 “Giấy khám sức khỏe” của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đồng Nai, chi phí 600.000 đồng/01 giấy. Sau khi làm giả, “Trâm” chuyển cho Sầm NS thông qua dịch vụ giao hàng và nhận chi phí 147.600.000 đồng. Khi đó, 246 “Giấy khám sức khỏe” chỉ có dấu của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đồng Nai giáp lai trên ảnh NNN và nội dung kết luận khám bệnh của bác sĩ. Sầm NS đã viết tên NNN trên 246 “Giấy khám sức khỏe”. Do không xác định được “Trâm” nên Cơ quan điều tra không làm rõ được hành vi làm giả tài liệu của đối tượng này. Căn cứ các kết luận giám định tài liệu của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh; thông tin, tài liệu do Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đồng Nai cung cấp, xác định: Hình dấu trên 246 “Giấy khám sức khỏe” của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đồng Nai là dấu giả.

Đối với 57 tài liệu Sầm NS tH1 đối tượng khác làm giả: Sầm NS cung cấp thông tin NNN cho đối tượng không rõ nhân thân để làm giả 57 “Phiếu lý lịch tư pháp” và “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật” của Phòng Tư pháp Quận 10. Sầm NS nhận 57 tài liệu giả, chi 34.200.000 đồng cho đối tượng làm giả tài liệu. Do Sầm NS không nhớ đã tH1 đối tượng nào làm giả tài liệu nên Cơ quan điều tra không làm rõ được hành vi làm giả 57 tài liệu này.

Căn cứ kết luận giám định tài liệu của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an tại TP. Hồ Chí Minh; thông tin, tài liệu do Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao và Phòng Tư pháp Quận 10 cung cấp, xác định: Trong số 57 “Phiếu lý lịch tư pháp” và “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật” của Phòng Tư pháp Quận 10, thì có: 02/57 tài liệu đóng dấu giả; 08/57 tài liệu không đủ cơ sở kết luận giám định; 47/57 tài liệu do Phòng Tư pháp Quận 10 đóng dấu chứng thực chữ ký người dịch thuật trên tài liệu. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của Sầm NS về việc cung cấp thông tin của NNN để người khác làm giả tài liệu; xác nhận của Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao về việc không hợp pháp hóa lãnh sự đối với các tài liệu, xác định: 57 tài liệu trên là tài liệu giả.

Sau khi làm giả 1.465 tài liệu, Sầm NS lập 619 hồ sơ, đề nghị Sở LĐTBXH tỉnh D cấp GPLĐ cho NNN.

Hành vi đưa hối lộ 1.857.000.000 đồng của Sầm NS để 619 hồ sơ được giải quyết cấp GPLĐ

Từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 12 năm 2021, Sầm NS nhiều lần nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa Sở LĐTBXH tỉnh D; nộp lệ phí cấp GPLĐ, tổng số 371.400.000 đồng. Để các hồ sơ được giải quyết cấp GPLĐ, Sầm NS đã thỏa thuận, đưa hối lộ 3.000.000 đồng/01 GPLĐ cho Nguyễn Kiên C, chuyên viên Phòng CSLĐ thuộc Sở LĐTBXH tỉnh D; Nguyễn Kiên C đồng ý. Sau khi nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa, Nguyễn Kiên C đã thụ lý, thẩm định hồ sơ, đề xuất và

được lãnh đạo Sở LĐTBXH tỉnh D cấp 619 GPLĐ cho NNN. Thực hiện theo thỏa thuận, Sầm NS đưa hồi lộ 1.857.000.000 đồng cho Nguyễn Kiên C, trong đó: Từ ngày 30 tháng 8 năm 2020 đến ngày 01 tháng 11 năm 2021, Sầm NS sử dụng tài khoản cá nhân số 0281000584210 tại Ngân hàng Vietcombank, 21 lần chuyển tiền, tổng số 1.404.000.000 đồng vào tài khoản số 0281000295823 của Nguyễn Kiên C tại Ngân hàng Vietcombank. Sầm NS cũng nhiều lần đưa tiền mặt, tổng số 453.000.000 đồng cho Nguyễn Kiên C tại khu vực Tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh D.

Sau khi nhận được 619 GPLĐ, Sầm NS chuyển cho Phạm Trường C3, người tên “Hoài”, “Vũ” và các đối tượng môi giới khác GPLĐ, hộ chiếu của NNN. Trong việc làm 619 GPLĐ cho NNN tại 113 doanh nghiệp, Sầm NS nhận 3.738.000.000 đồng của Phạm Trường C3 và các đối tượng môi giới; chi 879.000.000 đồng để Trần MH, Quảng Th, Nguyễn ĐT, người tên “Trâm” và các đối tượng khác làm giả 1.465 tài liệu; đưa hồi lộ 1.857.000 đồng cho Nguyễn Kiên C để giải quyết 619 hồ sơ được cấp GPLĐ; nộp lệ phí cấp GPLĐ 371.400.000 đồng; Sầm NS thu lợi bất chính 630.600.000 đồng.

Sầm NS đã làm giả 1.465 tài liệu của cơ quan, tổ chức; đưa hồi lộ 1.857.000.000 đồng, thu lợi bất chính 630.600.000 đồng. Trần MH giúp Sầm NS làm giả 413 tài liệu, thu lợi bất chính 41.300.000 đồng. Quảng Th giúp Sầm NS làm giả 498 tài liệu, thu lợi bất chính 19.480.000 đồng. Nguyễn ĐT giúp Sầm NS làm giả 251 tài liệu, thu lợi bất chính 25.100.000 đồng.

Hành vi làm giả 1.479 tài liệu của Trần MH để lập 626 hồ sơ cấp GPLĐ cho NNN tại 57 doanh nghiệp

Ngoài hành vi giúp Sầm NS làm giả 413 tài liệu hồ sơ cấp GPLĐ, thu lợi bất chính 41.300.000 đồng như trên, từ đầu năm 2017 đến tháng 6 năm 2021, Trần MH còn thỏa thuận với nhân sự của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh D và các đối tượng môi giới (Cơ quan điều tra không xác định được các đối tượng này) để làm GPLĐ cho 626 NNN tại 57 doanh nghiệp, chi phí từ 5.500.000 đồng đến 8.300.000 đồng/01 GPLĐ.

Để lập hồ sơ cấp GPLĐ, Trần MH nhận hộ chiếu, ảnh thẻ của NNN, một số tài liệu hồ sơ của các đối tượng môi giới; làm giả các tài liệu hồ sơ còn thiếu, gồm: “Phiếu lý lịch tư pháp”, “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật” và “Giấy khám sức khỏe”. Trần MH th1 Lec Jacob và “Annie Ngân” làm giả 1.479 tài liệu, chi phí 500.000 đồng/01 tài liệu, trong đó: Lec Jacob làm giả 1.264 tài liệu và “Annie Ngân” làm giả 215 tài liệu, cụ thể như sau:

Đối với 1.264 tài liệu Trần MH tH1 Lec Jacob làm giả: Từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 10 năm 2020, Trần MH in thông tin hộ chiếu và rửa ảnh của NNN chuyển cho Lec Jacob để làm giả 1.264 tài liệu, gồm: 923 “Phiếu lý lịch tư pháp” và “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật” của Phòng Tư pháp Quận 5 và Phòng Tư pháp Quận 10; 341 “Giấy khám sức khỏe” của Bệnh viện Chợ Rẫy và Bệnh viện Đa khoa tỉnh D. Sau khi làm giả tài liệu, Lec Jacob chuyển cho Trần MH và nhận 632.000.000 đồng. Do Lec Jacob đã chết tháng 12 năm 2020 nên Cơ quan điều tra không làm rõ được hành vi làm giả tài liệu của đối tượng này.

Đối với 215 tài liệu Trần MH tH1 “Annie Ngân” làm giả: Từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021, Trần MH gửi qua Wechat ảnh chụp hộ chiếu và ảnh thẻ của NNN cho “Annie Ngân” để làm giả 215 tài liệu, gồm: 168 “Phiếu lý lịch tư pháp” và “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật” của Phòng Tư pháp Quận 5, 47 “Giấy khám sức khỏe” của Bệnh viện Chợ Rẫy. Sau khi làm giả tài liệu, “Annie Ngân” chuyển cho Trần MH qua dịch vụ giao hàng và nhận 107.500.000 đồng. Do không xác định được “Annie Ngân” nên Cơ quan điều tra không làm rõ được hành vi làm giả tài liệu của đối tượng này.

Căn cứ các kết luận giám định tài liệu của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an tại TP. Hồ Chí Minh; thông tin, tài liệu do Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao, Phòng Tư pháp Quận 5, Phòng Tư pháp Quận 10, Bệnh viện Chợ Rẫy và Bệnh viện Đa khoa tỉnh D cung cấp, xác định: Trong số 1.091 “Phiếu lý lịch tư pháp” và “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật”, thì có 873 tài liệu của Phòng Tư pháp Quận 5 và 218 tài liệu của Phòng Tư pháp Quận 10 là tài liệu giả; 216 “Giấy khám sức khỏe” của Bệnh viện Chợ Rẫy và 172 “Giấy khám sức khỏe” của Bệnh viện Đa khoa tỉnh D là tài liệu giả.

Sau khi làm giả 1.479 tài liệu, Trần MH lập 626 hồ sơ, đề nghị Sở LĐTBXH tỉnh D cấp GPLĐ cho NNN.

Hành vi đưa hối lộ 2.096.500.000 đồng của Trần MH để 626 hồ sơ được giải quyết cấp GPLĐ

Từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 6 năm 2021, Trần MH nhiều lần nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa Sở LĐTBXH tỉnh D hoặc giao cho Vũ Hoài T nộp hồ sơ (giai đoạn từ tháng 3/2017 đến tháng 12 năm 2018, T là nhân viên làm tH1 cho HỒNG); nộp lệ phí cấp GPLĐ, tổng số 375.600.000 đồng. Để các hồ sơ được giải quyết cấp GPLĐ, Trần MH đã thỏa thuận, đưa hối lộ từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/01GPLĐ cho Nguyễn Kiên C, chuyên viên Phòng CSLĐ thuộc Sở LĐTBXH tỉnh D; tiền hối lộ được chuyển trước hoặc cộng dồn để chuyển sau

khi hồ sơ được cấp GPLĐ; Nguyễn Kiên C đồng ý. Sau khi nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa, Nguyễn Kiên C đã thụ lý, thẩm định hồ sơ hợp lệ, đề xuất và được lãnh đạo Sở LĐTBXH tỉnh D cấp 626 GPLĐ cho NNN. Thực hiện theo thỏa thuận, Trần MH đã đưa hồi lộ 2.096.500.000 đồng cho Nguyễn Kiên C, cụ thể: Từ ngày 29 tháng 9 năm 2017 đến ngày 07 tháng 6 năm 2021, Trần MH giao cho các nhân viên làm tH1 34 lần nộp tiền, tổng số 2.096.500.000 đồng vào tài khoản số 0281000295823 của Nguyễn Kiên C tại Ngân hàng Vietcombank và tài khoản số 01973834401 của Lý C5 tại Ngân hàng TPbank do C quản lý, sử dụng, cụ thể:

Trần Mai Hương 13 lần nộp tiền, tổng số 626.000.000 đồng, Nguyễn Xuân Yên Nhi 06 lần nộp tiền, tổng số 316.500.000 đồng, Nguyễn Minh Nhật 08 lần nộp tiền, tổng số 672.000.000 đồng, Nguyễn Xuân Trung nộp 32.000.000 đồng, Nguyễn Xuân Thao 02 lần nộp tiền, tổng số 70.000.000 đồng, Hoàng Tấn Đạt 03 lần nộp tiền, tổng số 350.000.000 đồng, Nguyễn Quốc Việt nộp 30.000.000 đồng vào tài khoản của Nguyễn Kiên C.

Sau khi nhận được 626 GPLĐ, Trần MH chuyển GPLĐ và hộ chiếu của NNN cho các đối tượng môi giới. Trong việc làm 626 GPLĐ cho NNN tại 57 doanh nghiệp, Trần MH khai có nhận tiền của các đối tượng môi giới nhưng không nhớ số lượng cụ thể. HỒNG xác nhận sau khi chi tiền cho Lec Jacob và “Annie Ngân” làm giả tài liệu, đưa hồi lộ cho Nguyễn Kiên C và nộp lệ phí cấp GPLĐ, Trần MH thu lợi từ 500.000 đồng đến 700.000 đồng/01 GPLĐ. Cơ quan điều tra kết luận Trần MH thu lợi bất chính 500.000 đồng/01 GPLĐ, tổng số 313.000.000 đồng.

Từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 6 năm 2021, Trần MH đã làm giả 1.892 tài liệu của cơ quan, tổ chức; đưa hồi lộ 2.096.500.000 đồng cho Nguyễn Kiên C, trong đó: Trần MH làm giả 1.479 tài liệu để lập 626 hồ sơ cấp GPLĐ cho NNN tại 57 doanh nghiệp, giúp Sầm NS làm giả 413 tài liệu hồ sơ cấp GPLĐ. Trần MH thu lợi bất chính 354.300.000 đồng.

Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép của Bùi VT, Bùi Văn Bảo, Phạm Trường C3 và Nguyễn Khánh Vân

Từ tháng 11 năm 2018, Bùi VT được Nguyễn Khánh Vân, Giám đốc Công ty Á Châu Hà Nội và Công ty Á Châu Thành phố Hồ Chí Minh giao quản lý, điều hành hoạt động của Công ty Á Châu Thành phố Hồ Chí Minh. Bùi VT quen biết Bùi Văn Bảo, Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Thuế Ánh Dương, Thành phố Hồ Chí Minh (Công ty Ánh Dương). Cuối năm 2019, Bùi VT thỏa thuận với Bùi Văn Bảo thành lập công ty tại tỉnh D để THẮNG sử dụng tư cách pháp nhân bảo lãnh cấp GPLĐ, thẻ tạm trú, thị thực cho NNN; THẮNG chi cho Bảo 2.500.000 đồng/01 hồ sơ, Bảo đồng ý.

Do đang sở hữu 04 công ty đăng ký hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: Công ty TNHH¹⁰ Thiết kế xây dựng trang trí nội thất Tuấn Lộc Phát (Công ty Tuấn Lộc Phát), Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ trang trí nội thất Hưng Vân Phát (Công ty Hưng Vân Phát), Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Kim Ngọc Minh (Công ty Kim Ngọc Minh) và Công ty TNHH Thương mại Văn phòng phẩm Hoàng Nam An (Công ty Hoàng Nam An). Để giúp Bùi VT, từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 11 năm 2020, Bùi Văn Bảo sử dụng căn cước công dân (CCCD¹¹) của Nguyễn HỒNG, Lê Thị Ngọc Tuyết, Lê Minh Viên và Nguyễn Hoàng Nam để thành lập 04 chi nhánh của 04 công ty tại tỉnh D và đăng ký những người trên làm giám đốc, cụ thể: Nguyễn HỒNG, Giám đốc Chi nhánh Công ty Tuấn Lộc Phát; Lê Thị Ngọc Tuyết, Giám đốc Chi nhánh Công ty Hưng Vân Phát; Lê Minh Viên, Giám đốc Chi nhánh Công ty Kim Ngọc Minh và Nguyễn Hoàng Nam, Giám đốc Chi nhánh Công ty Hoàng Nam An. Nguyễn HỒNG, Lê Thị Ngọc Tuyết, Lê Minh Viên và Nguyễn Hoàng Nam khai không biết Bảo đã sử dụng CCCD của họ để thành lập các chi nhánh công ty như trên. Bùi Văn Bảo khai mua các CCCD ở tiệm cầm đồ hoặc trên mạng (Cơ quan điều tra không xác định được người bán); sử dụng bản đồ Google Maps chọn ngẫu nhiên địa điểm tại khu vực tỉnh D để đăng ký thành lập các chi nhánh công ty nhưng không hoạt động trên thực tế. Sau đó, Bảo gửi thông tin các chi nhánh công ty cho Bùi VT sử dụng.

Sau khi có 04 chi nhánh công ty để bảo lãnh, từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020, Bùi VT nhận làm GPLĐ, thẻ tạm trú, thị thực cho 125 NNN trái quy định của pháp luật, trong đó: THẮNG trực tiếp hoặc giao cho nhân viên Công ty Á Châu Thành phố Hồ Chí Minh nhận làm GPLĐ, thẻ tạm trú, thị thực cho 123 NNN; THẮNG giúp Nguyễn Khánh Vân làm thẻ tạm trú cho 02 NNN, cụ thể như sau:

Đối với 123 NNN Bùi VT nhận làm GPLĐ, thẻ tạm trú, thị thực: Bùi VT giao cho nhân viên Công ty Á Châu Thành phố Hồ Chí Minh thỏa thuận, nhận hộ chiếu, ảnh thẻ, tiền chi phí của NNN, chuyển cho Bùi VT, trong đó: Nguyễn Thị T Thảo hướng dẫn Văn Thị Ý (sinh năm 1990, trú tại phường Nam Dương, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng) chuyển hộ chiếu, ảnh thẻ của NNN và 144.913.500 đồng cho Bùi VT để làm thị thực cho 04 NNN. Đào TT1Diễm nhận hộ chiếu, ảnh thẻ và 42.000.000 đồng, chuyển cho Bùi VT để làm thẻ tạm trú cho 01 NNN. Trần Thị Hoàng Duyên hướng dẫn Nguyễn Thị Hoa (sinh năm 1993, trú tại phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh) và Phạm Duy Trọng (sinh năm 1992, trú tại thôn Phú Na, xã Hà Ngọc, huyện Hà Trung, tỉnh T Hóa) chuyển hộ chiếu, ảnh thẻ của NNN cho Bùi VT để làm thẻ tạm trú cho 01

¹⁰ Trách nhiệm hữu hạn (TNHH)

¹¹ Căn cước công dân (CCCD)

NNN; Phạm Duy Trọng chuyển tiền chi phí cho Công ty Á Châu Hà Nội nhưng Cơ quan điều tra không xác định được số tiền này. Bùi VT trực tiếp nhận hộ chiếu, ảnh thẻ từ các đối tượng môi giới để làm thẻ tạm trú, thị thực cho 117 NNN, trong đó: Lê Thị Dung (sinh năm 1980, trú tại phường Tân Tạo, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh) làm thẻ tạm trú cho 01 NNN, Cơ quan điều tra không xác định được số tiền Dung chi cho Bùi VT. Phan Thị Thu HỒNG (sinh năm 1975, trú tại phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội) làm thẻ tạm trú cho 03 NNN, chuyển cho Bùi VT 103.927.500 đồng. Bùi VT nhận hộ chiếu, ảnh thẻ, tiền chi phí từ các đối tượng môi giới khác để làm GPLĐ, thẻ tạm trú, thị thực cho 113 NNN. Cơ quan điều tra không xác định được các đối tượng môi giới và số tiền các đối tượng này chi cho Bùi VT.

Đối với 02 NNN Bùi VT giúp Nguyễn Khánh Vân làm thẻ tạm trú: Nguyễn Khánh Vân là Giám đốc Công ty Á Châu Hà Nội và Công ty Á Châu Thành phố Hồ Chí Minh; giao cho Bùi VT quản lý, điều hành hoạt động của Công ty Á Châu TP. Hồ Chí Minh. Mặc dù biết rõ NNN chỉ có hộ chiếu và ảnh thẻ thì không đủ điều kiện để được cấp thẻ tạm trú, nhưng từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 11 năm 2020, Nguyễn Khánh Vân đã giao cho Ngô Phương Oanh và Đồng Mạnh Trường (nhân viên Công ty Á Châu Hà Nội) thỏa thuận chi phí, nhận hộ chiếu, ảnh của 02 NNN, chuyển cho Bùi VT để làm thẻ tạm trú; hướng dẫn 02 NNN chuyển tiền chi phí cho Nguyễn Khánh Vân, trong đó: 01 người nộp 44.000.000 đồng vào tài khoản số 0011004374834 của Nguyễn Khánh Vân tại Ngân hàng Vietcombank, 01 người nộp 34.935.000 đồng cho Công ty Á Châu Hà Nội.

Để làm GPLĐ, thẻ tạm trú, thị thực cho NNN, Bùi VT sử dụng tư cách pháp nhân 04 chi nhánh công ty do Bùi Văn Bảo thành lập để bảo lãnh cấp GPLĐ, thẻ tạm trú, thị thực cho NNN, trong đó: Chi nhánh Công ty Tuấn Lộc Phát bảo lãnh cấp 43 GPLĐ và 44 thẻ tạm trú, thị thực; Chi nhánh Công ty Hưng Vân Phát bảo lãnh cấp 34 GPLĐ và 23 thẻ tạm trú, thị thực; Chi nhánh Công ty Kim Ngọc Minh bảo lãnh cấp 35 GPLĐ và 25 thẻ tạm trú, thị thực; Chi nhánh Công ty Hoàng Nam An bảo lãnh cấp 12 GPLĐ và 04 thẻ tạm trú, thị thực. Bùi VT thỏa thuận với Phạm Trường C3, Bùi Văn Bảo và các đối tượng khác để làm 124 GPLĐ cho NNN; sau đó, THẮNG sử dụng 95 GPLĐ để làm 96 thẻ tạm trú, thị thực cho NNN (01 người làm thẻ tạm trú diện thăm thân, không cần làm GPLĐ), cụ thể như sau:

Bùi VT làm 124 GPLĐ cho NNN: Từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020, Bùi VT thỏa thuận, chuyển hộ chiếu, ảnh thẻ của NNN cho Phạm Trường C3 để làm GPLĐ cho 124 NNN tại các doanh nghiệp, trong đó: Chi nhánh Công ty Tuấn Lộc Phát, 43 NNN; Chi nhánh Công ty Hưng Vân Phát, 34 NNN; Chi

nhánh Công ty Kim Ngọc Minh, 35 NNN và Chi nhánh Công ty Hoàng Nam An, 12 NNN. THẮNG chi cho Chinh từ 7.450.000 đồng đến 8.200.000 đồng/01 GPLĐ (đối với người có quốc tịch Trung Quốc và các nước khác) và 9.550.000 đồng/01GPLĐ (đối với người có quốc tịch Châu Âu, cần làm Phiếu lý lịch tư pháp số 01), tổng số 960.100.000 đồng, trong đó: 332.500.000 đồng làm GPLĐ cho 43 NNN tại Chi nhánh Công ty Tuấn Lộc Phát và 627.600.000 đồng làm GPLĐ cho 81 NNN tại 03 công ty.

Phạm Trường C3 liên hệ với Vũ Hoài T và Sầm NS để làm 124 GPLĐ cho NNN, trong đó: Vũ Hoài T làm 112 GPLĐ, chi phí 7.000.000 đồng/01GPLĐ; Chinh chuyển tiền cho Vũ Hoài T vào tài khoản của Đinh T Phương tại Ngân hàng Sacombank do T quản lý, sử dụng, tổng số 784.000.000 đồng. Sầm NS làm 12 GPLĐ, chi phí 8.000.000 đồng/01GPLĐ, Chinh chi cho Sầm NS 96.000.000 đồng. Để Vũ Hoài T và Sầm NS làm GPLĐ, Phạm Trường C3, Bùi VT và Bùi Văn Bảo đã làm giả 385 tài liệu, gồm: 124 “Văn bản đề nghị cấp GPLĐ”, 123 “Hợp đồng lao động”, 118 “Bản cam kết phòng chống dịch Covid-19” và 20 “Công văn giải trình xin cấp GPLĐ”, trong đó: Chinh trực tiếp soạn thảo nội dung 346 tài liệu và nhờ Sầm NS soạn thảo nội dung 39 tài liệu. Sau đó, Phạm Trường C3 chuyển tài liệu cho Bùi VT ký, đóng dấu các công ty bảo lãnh cấp GPLĐ. Bùi VT chuyển tài liệu cho Bùi Văn Bảo để ký, đóng dấu; chi cho Bảo 107.500.000 đồng. Bùi Văn Bảo đã ký giả danh Nguyễn HỒNG, Giám đốc Chi nhánh Công ty Tuấn Lộc Phát; Lê Thị Ngọc Tuyết, Giám đốc Chi nhánh Công ty Hưng Vân Phát; Lê Minh Viên, Giám đốc Chi nhánh Công ty Kim Ngọc Minh; Nguyễn Hoàng Nam, Giám đốc Chi nhánh Công ty Hoàng Nam An trên 385 tài liệu. Bảo giao cho nhân viên Công ty Thuế Ánh Dương dùng dấu của 04 chi nhánh công ty và dấu của Công ty Hưng Vân Phát và Công ty Kim Ngọc Minh đóng dấu trên các tài liệu, chuyển lại cho Bùi VT; THẮNG chuyển cho Phạm Trường C3. Ngoài ra, Phạm Trường C3 còn mua 04 “Phiếu lý lịch tư pháp số 1” của đối tượng tên “Tuấn” với chi phí 7.200.000 đồng (Cơ quan điều tra không xác định được “Tuấn”). Phạm Trường C3 chuyển tài liệu giả, hộ chiếu và ảnh thẻ của NNN cho Vũ Hoài T và Sầm NS để làm GPLĐ cho NNN.

Vũ Hoài T và Sầm NS đã làm giả các tài liệu hồ sơ còn thiếu, gồm “Phiếu lý lịch tư pháp”, “Văn bản chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật” và “Giấy khám sức khỏe”; lập 124 hồ sơ nộp tại Sở LĐTBXH tỉnh D; đưa hối lộ cho Nguyễn Kiên C, chuyên viên Phòng CSLĐ để 124 hồ sơ được giải quyết cấp GPLĐ. Sau khi nhận được GPLĐ, Vũ Hoài T và Sầm NS chuyển GPLĐ, hộ chiếu của NNN cho Phạm Trường C3 và Chinh chuyển lại cho Bùi VT.

Căn cứ 124 hồ sơ cấp GPLĐ cho NNN; các con dấu thu được của Bùi Văn Bảo; các kết luận giám định tài liệu của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an tại TP. Hồ Chí Minh; lời khai của Bùi VT, Bùi Văn Bảo, Phạm Trường C3 và các đối tượng liên quan, xác định 385 tài liệu do Bùi VT, Bùi Văn Bảo và Phạm Trường C3 làm ra là tài liệu giả, cụ thể: Hình dấu tròn trên 135 tài liệu, gồm: “Văn bản về việc cấp/cấp lại giấy phép lao động”, “Hợp đồng lao động”, “Bản cam kết phòng chống dịch Covid-19” và “Công văn giải trình xin cấp GPLĐ” trong 43 hồ sơ xin cấp GPLĐ cho NNN do Chi nhánh Công ty Tuấn Lộc Phát bảo lãnh được đóng dấu của Chi nhánh Công ty Tuấn Lộc Phát. Hình dấu tròn trên 107 tài liệu, gồm: “Văn bản về việc cấp/cấp lại giấy phép lao động”, “Hợp đồng lao động”, “Bản cam kết phòng chống dịch Covid-19” và “Công văn giải trình xin cấp GPLĐ” trong 34 hồ sơ xin cấp GPLĐ cho NNN do Chi nhánh Công ty Hưng Vân Phát bảo lãnh, có: 78/107 tài liệu đóng dấu của Chi nhánh Công ty Hưng Vân Phát; 29/107 tài liệu đóng dấu của Công ty Hưng Vân Phát. Hình dấu tròn trên 106 tài liệu, gồm: “Văn bản về việc cấp/cấp lại giấy phép lao động”, “Hợp đồng lao động”, “Bản cam kết phòng chống dịch Covid-19” và “Công văn giải trình xin cấp GPLĐ” trong 35 hồ sơ xin cấp GPLĐ cho NNN do Chi nhánh Công ty Kim Ngọc Minh bảo lãnh, có: 86/106 tài liệu đóng dấu của Chi nhánh Công ty Kim Ngọc Minh; 20/106 tài liệu đóng dấu của Công ty Kim Ngọc Minh. Hình dấu tròn trên 37 tài liệu, gồm: “Văn bản về việc cấp/cấp lại giấy phép lao động”, “Hợp đồng lao động”, “Bản cam kết phòng chống dịch Covid-19” và “Công văn giải trình xin cấp GPLĐ” trong 12 hồ sơ xin cấp GPLĐ cho NNN do Chi nhánh Công ty Hoàng Nam An bảo lãnh được đóng dấu của Chi nhánh Công ty Hoàng Nam An.

Bùi VT làm 96 thẻ tạm trú, thị thực cho NNN: Sau khi nhận được 124 GPLĐ, từ tháng 7 năm 2020 đến tháng 01 năm 2021, Bùi VT sử dụng 95 GPLĐ để làm thẻ tạm trú, thị thực cho 96 NNN. Bùi VT thỏa thuận để Phạm Trường C3 làm thẻ tạm trú, thị thực cho 37 NNN tại Chi nhánh Công ty Tuấn Lộc Phát; thỏa thuận để các đối tượng khác làm thẻ tạm trú, thị thực cho 59 NNN, trong đó 07 người tại Chi nhánh Công ty Tuấn Lộc Phát, 52 người tại Chi nhánh Công ty Hưng Vân Phát, Chi nhánh Công ty Kim Ngọc Minh và Chi nhánh Công ty Hoàng Nam An. Đối với số GPLĐ còn lại, kết quả điều tra không xác định được Bùi VT chuyển cho ai để làm thẻ tạm trú, thị thực cho NNN.

Để lập hồ sơ cấp thẻ tạm trú, thị thực cho 96 NNN, Bùi VT, Bùi Văn Bảo và Phạm Trường C3 đã làm giả 121 tài liệu, gồm: 41 “Văn bản đề nghị cấp thẻ tạm trú” cho 61 NNN, 47 “Tờ khai đề nghị cấp thị thực” cho 35 NNN và 33 “Giấy ủy quyền” của các công ty bảo lãnh. Phạm Trường C3 dựa theo mẫu tài liệu trên mạng để soạn thảo nội dung 64 tài liệu, các đối tượng khác soạn thảo nội dung 57 tài liệu. Bùi VT chuyển 121 tài liệu cho Bùi Văn Bảo ký, đóng dấu các công ty

bảo lãnh. Bùi Văn Bảo đã ký giả danh Nguyễn HỒNG, Giám đốc Chi nhánh Công ty Tuấn Lộc Phát; Lê Thị Ngọc Tuyết, Giám đốc Chi nhánh Công ty Hưng Vân Phát; Lê Minh Viên, Giám đốc Chi nhánh Công ty Kim Ngọc Minh và Nguyễn Hoàng Nam, Giám đốc Chi nhánh Công ty Hoàng Nam An. Bảo giao cho nhân viên Công ty Thuế Ánh Dương sử dụng con dấu của 04 chi nhánh công ty và dấu của Công ty Hưng Vân Phát và Công ty Kim Ngọc Minh để đóng dấu trên các tài liệu, chuyển lại cho Bùi VT.

Căn cứ 96 hồ sơ xin cấp thẻ tạm trú, thị thực cho NNN; các con dấu thu được của Bùi Văn Bảo và các kết luận giám định tài liệu của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh, xác định: 121 tài liệu do Bùi VT, Bùi Văn Bảo và Phạm Trường C3 làm ra là tài liệu giả, cụ thể: Hình dấu tròn trên 75 tài liệu, gồm 29 “Tờ khai đề nghị cấp thị thực cho NNN”, 13 “Văn bản đề nghị cấp thẻ tạm trú cho NNN” và 33 “Giấy uỷ quyền” trong 44 hồ sơ xin cấp thẻ tạm trú, thị thực cho NNN do Chi nhánh Công ty Tuấn Lộc Phát bảo lãnh được đóng dấu Chi nhánh Công ty Tuấn Lộc Phát. Hình dấu tròn trên 18 tài liệu, gồm 12 “Văn bản đề nghị cấp thẻ tạm trú” và 06 “Tờ khai đề nghị cấp thị thực, gia hạn tạm trú” trong 23 hồ sơ xin cấp thẻ tạm trú, thị thực cho NNN do Chi nhánh Công ty Hưng Vân Phát bảo lãnh, có: 16/18 tài liệu đóng dấu của Chi nhánh Công ty Hưng Vân Phát; 02/18 tài liệu đóng dấu của Công ty Hưng Vân Phát. Hình dấu tròn đóng trên 25 tài liệu, gồm 03 “Văn bản đề nghị cấp thẻ tạm trú” và 22 “Tờ khai đề nghị cấp thị thực, gia hạn tạm trú” cho 22 NNN) trong 25 hồ sơ xin cấp thẻ tạm trú, thị thực cho NNN do Chi nhánh Công ty Kim Ngọc Minh bảo lãnh, thì có: có 23/25 tài liệu đóng dấu của Chi nhánh Công ty Kim Ngọc Minh; 02/25 tài liệu đóng dấu của Công ty Kim Ngọc Minh. Hình dấu tròn trên 03 “Văn bản đề nghị cấp thẻ tạm trú” trong 04 hồ sơ xin cấp thẻ tạm trú cho NNN do Chi nhánh Công ty Hoàng Nam An bảo lãnh được đóng dấu của Chi nhánh Công ty Hoàng Nam An.

Sau khi làm giả tài liệu, Bùi VT chuyển tài liệu giả, hộ chiếu và GPLĐ cho Phạm Trường C3 để làm thẻ tạm trú, thị thực cho 37 NNN; chuyển cho các đối tượng khác làm thẻ tạm trú, thị thực cho 59 NNN, cụ thể:

Trong việc làm thẻ tạm trú, thị thực cho 37 NNN tại Chi nhánh Công ty Tuấn Lộc Phát: Bùi VT chỉ cho Phạm Trường C3 260 USD/01 thị thực và 315 USD/01 thẻ tạm trú, tổng số 237.935.000 đồng. Phạm Trường C3 đã thỏa thuận để Đặng Đắc Tuấn, Phó Giám đốc Công ty TNHH Du lịch Thương mại Hương Việt (Công ty Hương Việt) tại Thành phố Hồ Chí Minh và Sầm NS làm thẻ tạm trú, thị thực cho 37 NNN, cụ thể:

Từ ngày 07 tháng 6 năm 2020 đến ngày 09 tháng 12 năm 2020, Phạm Trường C3 chuyển tài liệu, hộ chiếu và 30 GPLĐ cho Đặng Đức Tuấn làm thẻ

tạm trú, thị thực cho 30 NNN (20 thị thực, 10 thẻ tạm trú) với chi phí 250 USD/01 thị thực và 300 USD/01 thẻ tạm trú; Chính chi cho Tuấn 184.000.000 đồng. Đặng Đức Tuấn giao cho Nguyễn Đăng Khoa, nhân viên Công ty Hương Việt lập hồ sơ đề nghị Cục QLXNC¹² Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh cấp thẻ tạm trú, thị thực cho NNN. Nguyễn Đăng Khoa viết thông tin và ký giả chữ ký của NNN trên “Tờ khai đề nghị cấp thị thực” và “Văn bản đề nghị cấp thẻ tạm trú”, viết tên Nguyễn Đăng Khoa vào “Giấy uỷ quyền” (các tài liệu này đã ký, đóng dấu của Chi nhánh Công ty Tuấn Lộc Phát). Nguyễn Đăng Khoa nộp hồ sơ và lệ phí cấp thẻ tạm trú, thị thực, tổng số 100.589.400 đồng. Từ ngày 15 tháng 7 năm 2020 đến ngày 29 tháng 12 năm 2020, Cục QLXNC Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh cấp 20 thị thực và 10 thẻ tạm trú cho 30 người NNN. Đặng Đức Tuấn chuyển thị thực, thẻ tạm trú cho Phạm Trường C3; Chính chuyển GPLĐ, thị thực, thẻ tạm trú, hộ chiếu của NNN cho Bùi VT. Đặng Đức Tuấn hưởng lợi 83.410.600 đồng. Quá trình làm thẻ tạm trú, thị thực cho 30 NNN, Đặng Đức Tuấn và Nguyễn Đăng Khoa không biết mục đích Phạm Trường C3 xin cấp thẻ tạm trú, thị thực cho 30 NNN để ở lại Việt Nam trái phép. Kết quả điều tra không đủ căn cứ xác định Đặng Đức Tuấn và Nguyễn Đăng Khoa đồng phạm với Phạm Trường C3 về hành vi tổ chức cho 30 NNN ở lại Việt Nam trái phép.

Tháng 9 năm 2020, Phạm Trường C3 chuyển tài liệu, hộ chiếu và GPLĐ cho Sầm NS để làm thị thực cho 07 NNN, chi phí 275 USD/01 thị thực; Chính đã chuyển cho Sầm NS 44.275.000 đồng. Sầm NS thỏa thuận để Nguyễn Văn Nam, Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Thái Lộc tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện, chi cho Nam 190 USD/01 thị thực, tổng số 30.590.000 đồng. Nguyễn Văn Nam giao cho Nguyễn Văn Toàn, Phó Giám đốc, Nguyễn Minh Chương và Nguyễn Thị Hảo, nhân viên Công ty Thái Lộc viết thông tin và ký giả chữ ký của NNN trên “Tờ khai đề nghị cấp thị thực, gia hạn tạm trú” (tài liệu này đã ký, đóng dấu Chi nhánh Công ty Tuấn lộc Phát). Nguyễn Văn Nam nộp hồ sơ và lệ phí cấp thị thực, tổng số 23.466.800 đồng. Từ ngày 08 tháng 10 năm 2020 đến ngày 15 tháng 10 năm 2020, Cục QLXNC Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh cấp thị thực cho 07 NNN. Nguyễn Văn Nam, Sầm NS và Phạm Trường C3 lần lượt chuyển lại thị thực, hộ chiếu và GPLĐ cho Bùi VT.

Quá trình làm thị thực cho 07 NNN, Sầm NS, Nguyễn Văn Nam, Nguyễn Văn Toàn, Nguyễn Minh Chương và Nguyễn Thị Hảo không biết mục đích Phạm Trường C3 xin cấp thị thực cho 07 NNN để ở lại Việt Nam trái phép. Sầm NS được Phạm Trường C3 chi 44.275.000 đồng; sau khi chi tiền cho Nguyễn Văn Nam làm thị thực, Sầm NS hưởng lợi 13.685.000 đồng. Nguyễn Văn Nam được

¹² Cục Quản lý Xuất nhập cảnh (Cục QLXNC)

Sảm NS chi 30.590.000 đồng, sau khi nộp lệ phí cấp thị thực, Nguyễn Văn Nam hưởng lợi 7.123.200 đồng. Nguyễn Văn Toàn, Nguyễn Minh Chương và Nguyễn Thị Hào làm tH1 cho Nguyễn Văn Nam, không được hưởng lợi trong số tiền trên. Kết quả điều tra không đủ căn cứ xác định những người trên đồng phạm với Phạm Trường C3 về hành vi tổ chức cho 07 NNN ở lại Việt Nam trái phép.

Trong việc làm thẻ tạm trú, thị thực cho 59 NNN tại Chi nhánh Công ty Tuấn Lộc Phát, Chi nhánh Công ty Hưng Vân Phát, Chi nhánh Công ty Kim Ngọc Minh và Chi nhánh Công ty Hoàng Nam An: Bùi VT thỏa thuận, chuyển tài liệu, hộ chiếu và GPLĐ cho Đỗ Quang Huy, Đặng Hoàng Long, Nguyễn Văn Phong và các đối tượng khác làm thẻ tạm trú, thị thực cho 59 NNN, trong đó 07 người tại Chi nhánh Công ty Tuấn Lộc Phát, 25 người tại Chi nhánh Công ty Kim Ngọc Minh, 23 người tại Chi nhánh Công ty Hưng Vân Phát và 04 người Chi nhánh Công ty Hoàng Nam An, cụ thể:

Từ ngày 06 tháng 7 năm 2020 đến ngày 14 tháng 7 năm 2020, Bùi VT thỏa thuận để Đỗ Quang Huy (sinh năm 1982, trú tại đường Nguyễn Hữu Thọ, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh) làm thẻ tạm trú cho 04 NNN tại Chi nhánh Công ty Tuấn Lộc Phát. Đỗ Quang Huy không trực tiếp thực hiện mà chuyển cho Nguyễn Đăng Khoa (sinh năm 1987, trú tại phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) làm thẻ tạm trú cho 04 NNN với chi phí 400 USD/01 thẻ tạm trú. Nguyễn Đăng Khoa chuyển cho Hồ Tấn Quyền (sinh năm 1980, trú tại phường Bình Hưng Hòa B, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh) làm thẻ tạm trú cho 04 NNN với chi phí 350 USD/01 thẻ tạm trú. Hồ Tấn Quyền dựa theo biểu mẫu, viết thông tin NNN trên “Văn bản đề nghị cấp thẻ tạm trú”, ký giả chữ ký của NNN trên “Tờ khai đề nghị cấp thẻ tạm trú” và viết tên mình (Hồ Tấn Quyền) trên “Giấy ủy quyền” của Chi nhánh Công ty Tuấn Lộc Phát (các tài liệu này đã ký, đóng dấu Công ty Tuấn Lộc Phát). Hồ Tấn Quyền nộp hồ sơ và lệ phí cấp thẻ tạm trú, tổng số 13.409.600 đồng. Từ ngày 27/7/2020 đến ngày 03/8/2020, Cục QLXNC Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh cấp thẻ tạm trú cho 04 NNN. Hồ Tấn Quyền, Nguyễn Đăng Khoa và Đỗ Quang Huy lần lượt chuyển lại thẻ tạm trú, hộ chiếu và GPLĐ của NNN cho Bùi VT. Bùi VT chi tiền mặt cho Đỗ Quang Huy 37.720.000 đồng. Huy chi cho Nguyễn Đăng Khoa 36.800.000 đồng; Huy hưởng lợi 920.000 đồng. Nguyễn Đăng Khoa chi cho Hồ Tấn Quyền 32.200.000 đồng, Khoa hưởng lợi 4.600.000 đồng. Hồ Tấn Quyền nộp lệ phí cấp thẻ tạm trú 13.409.600 đồng, Quyền hưởng lợi 18.790.400 đồng.

Đỗ Quang Huy, Nguyễn Đăng Khoa và Hồ Tấn Quyền khai khi nhận hồ sơ làm thẻ tạm trú cho 04 NNN, trong hồ sơ đã có các tài liệu được ký, đóng dấu Chi nhánh Công ty Tuấn Lộc Phát; Huy, Khoa và Quyền không biết Bùi VT xin cấp thẻ tạm trú cho 04 NNN để ở lại Việt Nam trái phép. Đối với Hồ Tấn Quyền

đã viết thông tin và ký giả chữ ký NNN trên các tờ khai và làm thủ tục xin cấp thẻ tạm trú cho NNN, các tài liệu Quyền làm giả là các biểu mẫu có sẵn để NNN viết thông tin, ký xác nhận. Kết quả điều tra không đủ căn cứ xác định những người trên đồng phạm với Bùi VT về hành vi tổ chức cho 04 NNN ở lại Việt Nam trái phép.

Trong tháng 7 năm 2020, Bùi VT thỏa thuận để Đặng Hoàng Long làm thẻ tạm trú cho 01 NNN và Nguyễn Văn Phong làm thẻ tạm trú, thị thực cho 02 NNN tại Chi nhánh Công ty Tuần Lộc Phát. Sau đó, Cục QLXNC Bộ Công an tại TP. Hồ Chí Minh đã tiếp nhận hồ sơ, cấp thẻ tạm trú, thị thực cho 03 NNN trên. Đặng Hoàng Long và Nguyễn Văn Phong chuyển lại cho Bùi VT thẻ tạm trú, thị thực, GPLĐ của NNN. Cơ quan điều tra không xác định được Đặng Hoàng Long và Nguyễn Văn Phong. Bùi VT không thừa nhận đã thỏa thuận để Đặng Hoàng Long và Nguyễn Văn Phong làm thẻ tạm trú, thị thực cho 03 NNN. Căn cứ lời khai của Bùi Văn Bảo và Phạm Trường C3 về việc giúp Bùi VT làm giả tài liệu hồ sơ cấp GPLĐ, hồ sơ cấp thẻ tạm trú, thị thực cho 03 NNN; kết luận giám định tài liệu và các chứng cứ khác, có đủ căn cứ xác định Bùi VT đã thỏa thuận để Đặng Hoàng Long và Nguyễn Văn Phong làm thẻ tạm trú, thị thực cho 03 NNN.

Từ tháng 7 năm 2020 đến tháng 01 năm 2021, Bùi VT thỏa thuận với các đối tượng làm dịch vụ xin cấp thẻ tạm trú, thị thực cho 52 NNN, gồm: 25 người tại Chi nhánh Công ty Kim Ngọc Minh, 23 người tại Chi nhánh Công ty Hưng Vân Phát và 04 người tại Chi nhánh Công ty Hoàng Nam An. Sau khi nhận được thẻ tạm trú, thị thực do Cục QLXNC Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho 52 NNN, các đối tượng chuyển lại cho Bùi VT thẻ tạm trú, thị thực và GPLĐ của NNN. Cơ quan điều tra không xác định được các đối tượng làm dịch vụ xin cấp thẻ tạm trú, thị thực cho 52 NNN nêu trên.

Sau khi nhận được thẻ tạm trú, thị thực, nhận lại hộ chiếu, GPLĐ của NNN từ Phạm Trường C3, Đỗ Quang Huy, Đặng Hoàng Long, Nguyễn Văn Phong và các đối tượng khác, Bùi VT chuyển thẻ tạm trú, thị thực, GPLĐ (bản photo) cho 94 NNN; chuyển cho Nguyễn Khánh Vân thẻ tạm trú, GPLĐ (bản photo) của 02 NNN; Nguyễn Khánh Vân và Đồng Mạnh Trường chuyển cho 02 NNN sử dụng để ở lại Việt Nam trái phép.

Quá trình làm GPLĐ, thẻ tạm trú, thị thực cho 125 NNN và tổ chức cho 96 NNN ở lại Việt Nam trái phép, Bùi VT thu lợi bất chính như sau: Đối với 44 NNN được Bùi VT sử dụng Chi nhánh Công ty Tuần Lộc Phát bảo lãnh cấp GPLĐ, thẻ tạm trú, thị thực để ở lại Việt Nam trái phép, có: 08/44 NNN Bùi VT trực tiếp nhận tiền mặt từ nhân viên Công ty Á Châu tại Thành phố Hồ Chí Minh và nhận tiền do các đối tượng môi giới chuyển vào tài khoản số 19033512734010 của Bùi VT tại Ngân hàng Techcombank, tổng số 290.841.000 đồng, cụ thể: Văn

Thị Ý chuyển 144.913.500 đồng vào tài khoản của THẮNG để làm thẻ tạm trú, thị thực cho 04 NNN; Phan Thị Thu HỒNG chuyển 103.927.500 đồng vào tài khoản của THẮNG để làm thẻ tạm trú cho 03 NNN; Đào TT1Diễm trực tiếp đưa tiền mặt 42.000.000 đồng cho THẮNG tại Công ty Á Châu Thành phố Hồ Chí Minh để làm thẻ tạm trú cho 01 NNN. Bùi VT chi cho Phạm Trường C3 119.145.000 đồng và Bùi Văn Bảo 20.000.000 đồng trong việc làm hồ sơ cấp GPLĐ và hồ sơ cấp thẻ tạm trú, thị thực cho 08 NNN. Bùi VT thu lợi bất chính 151.696.000 đồng. 02/44 NNN, Bùi VT giúp Nguyễn Khánh Vân làm thẻ tạm trú, được Vân chi hưởng lợi 400.000 đồng. 34/44 NNN còn lại, do không chứng minh được số tiền Bùi VT nhận của NNN để làm GPLĐ, thẻ tạm trú, thị thực nên Cơ quan điều tra không xác định được số tiền Bùi VT thu lợi bất chính. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của Bùi Văn Bảo, Phạm Trường C3 và số tiền THẮNG chi cho Bảo và Chinh để làm hồ sơ cấp GPLĐ, thẻ tạm trú, thị thực cho 34 NNN, Cơ quan điều tra xác định Bùi VT vì vụ lợi đã làm GPLĐ, thẻ tạm trú, thị thực cho 34 NNN để ở lại Việt Nam trái phép. Đối với 81 NNN được Bùi VT sử dụng Chi nhánh Công ty Hưng Vân Phát, Chi nhánh Công ty Kim Ngọc Minh và Chi nhánh Công ty Hoàng Nam An bảo lãnh cấp 81 GPLĐ và 52 thẻ tạm trú, thị thực, do không chứng minh được tổng số tiền Bùi VT nhận của NNN, nên Cơ quan điều tra không xác định được số tiền Bùi VT thu lợi bất chính trong việc làm 81 GPLĐ và 52 thẻ tạm trú, thị thực cho NNN. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của Bùi Văn Bảo, Phạm Trường C3 và số tiền THẮNG chi cho Bảo và Chinh để làm GPLĐ, thẻ tạm trú, thị thực cho NNN, Cơ quan điều tra xác định Bùi VT vì vụ lợi đã tổ chức cho 52 NNN ở lại Việt Nam trái phép.

Cơ quan điều tra đã xác minh 96 NNN (có danh sách kèm theo) được Bùi VT làm thẻ tạm trú, thị thực để ở lại Việt Nam trái phép, xác định: Đối với 44 NNN do Chi nhánh Công ty Tuấn Lộc Phát bảo lãnh, có: 22/44 người đang sử dụng thẻ tạm trú, thị thực để ở lại Việt Nam, những người này thông qua đối tượng làm dịch vụ để xin cấp thẻ tạm trú, thị thực; 15/44 người đã sử dụng hết thời hạn thị thực được cấp, đã xuất cảnh; 07/44 người không có mặt tại nơi đăng ký tạm trú, không lấy được lời khai. Đối với 52 NNN được Chi nhánh Công ty Kim Ngọc Minh, Chi nhánh Công ty Hưng Vân Phát và Chi nhánh Công ty Hoàng Nam An bảo lãnh, thì có: 04/52 NNN sử dụng thẻ tạm trú, thị thực được cấp để ở lại Việt Nam, những người này thông qua đối tượng làm dịch vụ để xin cấp thẻ tạm trú, thị thực; 31/52 NNN đã xuất cảnh, không lấy được lời khai; 17/52 NNN chưa có thông tin xuất cảnh, không có mặt tại nơi đăng ký tạm trú, không lấy được lời khai.

Các bị cáo Bùi Văn Bảo và Phạm Trường C3 khai nhận đã giúp Bùi VT làm GPLĐ, thẻ tạm trú, thị thực cho 96 NNN để những người này ở lại Việt Nam trái phép. Bùi VT khai nhận đã làm thẻ tạm trú, thị thực cho 12/96 NNN để ở lại Việt

Nam trái phép, trong đó: 02 NNN do Nguyễn Khánh Vân nhờ THẮNG làm thẻ tạm trú; 10 NNN do nhân viên Công ty Á Châu Thành phố Hồ Chí Minh tiếp nhận, chuyển cho Bùi VT để làm thẻ tạm trú, thị thực cho những người này. Đối với 84/96 NNN còn lại, Bùi VT không thừa nhận đã làm thẻ tạm trú, thị thực cho họ. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của các bị cáo Bùi Văn Bảo, Phạm Trường C3 và Sầm NS về việc làm GPLĐ, thẻ tạm trú, thị thực cho NNN và các tài liệu, chứng cứ khác, có đủ căn cứ xác định Bùi VT đã làm thẻ tạm trú, thị thực cho 96 NNN trái quy định của pháp luật để những người này ở lại Việt Nam trái phép.

Như vậy, trong việc làm 124 GPLĐ và 96 thẻ tạm trú, thị thực cho NNN: Bùi VT đã làm giả 506 tài liệu của cơ quan, tổ chức và tổ chức cho 96 NNN ở lại Việt Nam trái phép; THẮNG thu lợi bất chính 152.096.000 đồng. Bùi Văn Bảo giúp Bùi VT làm giả 506 tài liệu của cơ quan, tổ chức và tổ chức cho 96 NNN ở lại Việt Nam trái phép; Bảo thu lợi bất chính 235.000.000 đồng. Phạm Trường C3 giúp Bùi VT làm giả 449 tài liệu của cơ quan, tổ chức và tổ chức cho 96 NNN ở lại Việt Nam trái phép; Chinh thu lợi bất chính 64.560.000 đồng. Nguyễn Khánh Vân đồng phạm với Bùi VT tổ chức cho 02 NNN ở lại Việt Nam trái phép; Vân thu lợi bất chính 39.945.000 đồng.

Ngoài hành vi như trên, từ tháng 3 năm 2019 đến tháng 01 năm 2022, Phạm Trường C3 còn thỏa thuận với các đối tượng môi giới để làm GPLĐ cho 46 NNN tại 06 công ty với chi phí 7.500.000 đồng/01GPLĐ, gồm: Công ty TNHH DV¹³ Tech (04 người), Công ty TNHH Poong In Vina (09 người), Công ty TNHH Chuang Sheng (03 người), Công ty TNHH Quốc tế Di Hưng (09 người), Công ty TNHH Sherwin Williams Việt Nam (19 người) và Công ty TNHH Sao Việt D (02 người). Chinh nhận hộ chiếu, ảnh thẻ của NNN, một số “Văn bản về việc cấp/cấp lại GPLĐ”, “Hợp đồng lao động”, “Bản cam kết phòng chống dịch covid-19” đã ký, đóng dấu của các công ty, “Giấy khám sức khỏe” và “Giấy chứng nhận kinh nghiệm/chuyên gia của NNN” từ các đối tượng môi giới. Phạm Trường C3 chuyển cho Vũ Hoài T làm GPLĐ cho 46 NNN với chi phí 7.000.000 đồng/01GPLĐ. Vũ Hoài T đã làm giả tài liệu, lập hồ sơ cấp GPLĐ, nộp tại Sở LĐTBXH tỉnh D và được cấp 46 GPLĐ cho NNN. Vũ Hoài T chuyển GPLĐ cho Phạm Trường C3 và được Chinh chi 322.000.000 đồng, cụ thể: Từ tháng 3 năm 2019 đến tháng 11 năm 2019, Phạm Trường C3 thông qua Nguyễn XL nhiều lần chi tiền mặt cho Vũ Hoài T, tổng số 112.000.000 đồng; từ ngày 08 tháng 01 năm 2021 đến ngày 02 tháng 12 năm 2021, Phạm Trường C3 sử dụng tài khoản cá nhân số 0381000321679 tại Ngân hàng Vietcombank, 14 lần chuyển tiền vào tài khoản số 060244131241 của Đinh T Phương tại Ngân hàng Sacombank, tổng số 210.000.000 đồng để chi cho Vũ Hoài T. Kết quả điều tra xác định: Phạm Trường

¹³ Trách nhiệm hữu hạn dịch vụ (TNHH DV)

C3 có nhận tiền từ các đối tượng môi giới để làm GPLĐ cho 46 NNN nhưng Chính không nhớ số lượng cụ thể. Phạm Trường C3 không biết hành vi làm giả tài liệu, đưa hối lộ của Vũ Hoài T nên không có căn cứ xác định Phạm Trường C3 đồng phạm với Vũ Hoài T.

Hành vi nhận hối lộ 8.362.500.000 đồng của Nguyễn Kiên C, chuyên viên Phòng CSLĐ thuộc Sở LĐTBXH tỉnh D trong việc giải quyết cấp 2.300 GPLĐ cho NNN làm việc tại 315 doanh nghiệp

Từ năm 2017 đến tháng 3 năm 2022, Nguyễn Kiên C là chuyên viên Phòng CSLĐ thuộc Sở LĐTBXH tỉnh D, có nhiệm vụ, quyền hạn: Thụ lý, thẩm định hồ sơ, đề xuất cấp GPLĐ cho NNN. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Nguyễn Kiên C đã thỏa thuận, nhận hối lộ của Vũ Hoài T, Sầm NS và Trần MH để giải quyết các hồ sơ được cấp GPLĐ. Nguyễn Kiên C đã thụ lý, thẩm định 2.300 hồ sơ do Vũ Hoài T, Sầm NS và Trần MH đề nghị cấp GPLĐ cho NNN làm việc tại 315 doanh nghiệp. Mặc dù biết rõ các hồ sơ không đủ điều kiện để cấp GPLĐ, như: Hồ sơ không có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh D về cấp GPLĐ cho NNN; không đảm bảo thủ tục hộ chiếu, visa, cam kết phòng chống dịch Covid-19 theo quy định,...nhưng Nguyễn Kiên C vẫn lập các phiếu thẩm định hồ sơ hợp lệ, đề xuất Ngô Nguyễn Thái Hằng, Phó phòng CSLĐ và lãnh đạo Sở LĐTBXH tỉnh D cấp GPLĐ cho NNN. Hành vi nhận hối lộ của Nguyễn Kiên C cụ thể như sau:

Nguyễn Kiên C nhận hối lộ 4.409.000.000 đồng của Vũ Hoài T để giải quyết 1.055 hồ sơ cấp GPLĐ cho NNN tại 244 doanh nghiệp

Từ năm 2019 đến tháng 3 năm 2022, Vũ Hoài T nộp 1.055 hồ sơ, đề nghị Sở LĐTBXH tỉnh D cấp GPLĐ cho NNN tại 244 doanh nghiệp. Để các hồ sơ được giải quyết cấp GPLĐ, Vũ Hoài T thỏa thuận đưa hối lộ cho Nguyễn Kiên C từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/01 hồ sơ. Nguyễn Kiên C đã bỏ qua vi phạm của hồ sơ, tiến hành thủ tục thụ lý, thẩm định hồ sơ hợp lệ, đề xuất và được lãnh đạo Sở LĐTBXH tỉnh D duyệt ký 1.055 GPLĐ cho NNN. Nguyễn Kiên C đã nhận hối lộ 4.409.000.000 đồng của Vũ Hoài T, cụ thể: Từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 7 năm 2020, Nguyễn Kiên C nhận 810.000.000 đồng của Vũ Hoài T thông qua Nguyễn Xuân Lâm, trong đó C nhiều lần nhận tiền mặt do Lâm đưa tại khu vực Tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh D, tổng số 750.000.000 đồng và nhận 60.000.000 đồng do Lâm chuyển vào tài khoản số 0281000295823 của Nguyễn Kiên C tại Ngân hàng Vietcombank. Từ tháng 7 năm 2020 đến tháng 01 năm 2022, Nguyễn Kiên C sử dụng tài khoản số 0281000295823 tại Ngân hàng Vietcombank, nhận của Vũ Hoài T 1.159.000.000 đồng; sử dụng tài khoản số 01973834401 của Lý C5 tại Ngân hàng TPbank do C quản lý, sử dụng, nhận 2.440.000.000 đồng của Vũ Hoài T.

Nguyễn Kiên C nhận hối lộ 2.096.500.000 đồng của Trần MH để giải quyết

626 hồ sơ cấp GPLĐ cho NNN tại 57 doanh nghiệp cụ thể:

Từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 6 năm 2021, Trần MH nộp 626 hồ sơ, đề nghị Sở LĐTBXH tỉnh D cấp GPLĐ cho NNN tại 57 doanh nghiệp. Để các hồ sơ được giải quyết cấp GPLĐ, Trần MH thỏa thuận đưa hối lộ cho Nguyễn Kiên C từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/01 hồ sơ. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Nguyễn Kiên C đã bỏ qua vi phạm của hồ sơ, tiến hành thủ tục thụ lý, thẩm định hồ sơ hợp lệ, đề xuất và được lãnh đạo Sở LĐTBXH tỉnh D duyệt ký 626 GPLĐ cho NNN. Nguyễn Kiên C đã nhận hối lộ 2.096.500.000 đồng của Trần MH, cụ thể: Từ ngày 30 tháng 8 năm 2020 đến ngày 01 năm 11 năm 2021, Nguyễn Kiên C sử dụng tài khoản số 0281000295823 tại Ngân hàng Vietcombank, nhận của Trần MH 1.702.500.000 đồng; sử dụng tài khoản số 01973834401 của Lý C5 tại Ngân hàng TPbank do C quản lý, sử dụng, nhận 394.000.000 đồng của Trần MH

Nguyễn Kiên C nhận hối lộ 1.857.000.000 đồng của Sầm NS để giải quyết 619 hồ sơ cấp GPLĐ cho NNN tại 113 doanh nghiệp cụ thể:

Từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 12 năm 2021, Sầm NS nộp 619 hồ sơ đề nghị Sở LĐTBXH tỉnh D cấp GPLĐ cho NNN tại 113 doanh nghiệp. Để các hồ sơ được giải quyết cấp GPLĐ, Sầm NS thỏa thuận đưa hối lộ cho Nguyễn Kiên C 3.000.000 đồng/01 hồ sơ. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Nguyễn Kiên C đã bỏ qua các vi phạm của hồ sơ, tiến hành thủ tục thụ lý, thẩm định hồ sơ hợp lệ, đề xuất và được lãnh đạo Sở LĐTBXH tỉnh D duyệt ký 619 GPLĐ cho NNN. Nguyễn Kiên C đã nhận hối lộ 1.857.000.000 đồng của Sầm NS, cụ thể: Từ ngày 30/8/2020 đến ngày 01/11/2021, Nguyễn Kiên C sử dụng tài khoản số 0281000295823 tại Ngân hàng Vietcombank, nhận 1.404.000.000 đồng của Sầm NS. Nguyễn Kiên C cũng nhiều lần nhận tiền mặt do Sầm NS đưa trực tiếp tại khu vực Tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh D, tổng số 453.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Kiên C khai nhận toàn bộ hành vi nhận hối lộ như trên. Nguyễn Kiên C còn khai: Trong quá trình giải quyết các hồ sơ cấp GPLĐ, C đã báo cáo với Ngô Nguyễn Thái Hằng, Phó phòng CSLĐ về việc các hồ sơ không đủ điều kiện xem xét cấp GPLĐ; nhờ Hằng tác động để lãnh đạo Sở LĐTBXH tỉnh D tạo điều kiện cấp GPLĐ cho NNN; định kỳ hàng tháng, C chi $\frac{3}{4}$ số tiền nhận hối lộ cho Hằng và thông qua Hằng chi cho lãnh đạo Sở LĐTBXH tỉnh D. Để được Lê Minh Quốc C, Giám đốc Sở LĐTBXH tạo điều kiện trong công tác và khi trình hồ sơ cấp GPLĐ, C đã gửi tặng quà biếu, kèm theo số tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng cho Lê Minh Quốc C vào các dịp lễ, tết hàng năm, tổng số tiền đã biếu khoảng 150.000.000 đồng. Ngô Nguyễn Thái Hằng khai được Nguyễn Kiên C nhiều lần chi tiền bồi dưỡng trong việc cấp GPLĐ, tổng số 860.000.000 đồng. Do Ngô Nguyễn Thái Hằng chết trong khi vụ

án đang điều tra, Cơ quan điều tra không làm rõ được việc Hằng sử dụng số tiền này. Lê Minh Quốc C khai không nhận tiền lễ, tết như Nguyễn Kiên C đã khai. Cơ quan điều tra xác định Nguyễn Kiên C nhận hối lộ 8.362.500.000 đồng, trong đó đã chi cho Ngô Nguyễn Thái Hằng 860.000.000 đồng, Nguyễn Kiên C thu lợi bất chính 7.502.500.000 đồng.

Hành vi nhận hối lộ 1.522.700.000 đồng của Hoàng T, Trưởng phòng Quản lý lao động BQL các KCN D trong việc giải quyết 467 hồ sơ cấp GPLĐ

Từ năm 2013, Hoàng T là Trưởng phòng Quản lý lao động (QLLĐ) thuộc BQL các KCN D, có nhiệm vụ, quyền hạn: Xem xét hồ sơ, ký duyệt kết quả thẩm định hồ sơ của chuyên viên; trình hồ sơ và đề xuất lãnh đạo BQL các KCN D cấp GPLĐ cho NNN. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Hoàng T đã thỏa thuận, nhận hối lộ của Vũ Hoài T 3.000.000 đồng/01 GPLĐ để giải quyết các hồ sơ của Vũ Hoài T được cấp GPLĐ. Trong giai đoạn từ năm 2019 đến tháng 12 năm 2020, Hoàng T yêu cầu Vũ Hoài T để tiền mặt trong túi đựng hồ sơ cấp GPLĐ, trực tiếp đưa cho Hoàng T tại sảnh Tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh D. Từ đầu năm 2021, Hoàng T yêu cầu Vũ Hoài T đưa hối lộ 3.500.000 đồng/01 GPLĐ; việc giao nhận hồ sơ, GPLĐ và tiền hối lộ thông qua Lê K3 là người quen của Hoàng T. Từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 11 năm 2021, do dịch bệnh Covid-19, Hoàng T yêu cầu Vũ Hoài T chuyển tiền hối lộ vào tài khoản số 050113564587 của Lê K3 tại Ngân hàng Sacombank.

Từ năm 2019 đến tháng 3 năm 2022, Hoàng T tiếp nhận, giải quyết 467 hồ sơ của Vũ Hoài T đề nghị cấp GPLĐ cho NNN tại 94 doanh nghiệp. Mặc dù biết rõ các hồ sơ không đủ điều kiện để cấp GPLĐ, như: Hồ sơ không có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh D; thủ tục hồ sơ không đảm bảo quy định về hộ chiếu, visa, bản cam kết phòng chống dịch Covid-19 theo quy định,...nhưng Hoàng T vẫn chỉ đạo chuyên viên Phòng QLLĐ thẩm định hồ sơ hợp lệ, dự thảo GPLĐ; Hoàng T duyệt kết quả thẩm định, trình hồ sơ, đề xuất và được lãnh đạo BQL các KCN D duyệt ký 467 GPLĐ cho NNN. Hoàng T đã nhận hối lộ 1.522.700.000 đồng của Vũ Hoài T, cụ thể: Từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 12 năm 2020, Hoàng T nhận 663.000.000 đồng của Vũ Hoài T do Nguyễn XL nhiều lần đưa tiền mặt cho Hoàng T tại sảnh Tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh D. Từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021 và từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 03 năm 2022, Hoàng T nhận 80.500.000 đồng của Vũ Hoài T do Nguyễn XL nhiều lần đưa tiền mặt cho Lê K3 để Khang chuyển cho Hoàng T. Từ ngày 27 tháng 7 năm 2021 đến ngày 29 tháng 11 năm 2021, Hoàng T sử dụng tài khoản số 050113564587 của Lê K3 tại Ngân hàng Sacombank, nhận của Vũ Hoài T 779.200.000 đồng. Vũ Hoài T đã sử dụng tài khoản số 0081001297999 của Vương Hoàng Phúc tại Ngân hàng Vietcombank, 19 lần chuyển tổng số

913.000.000 đồng vào tài khoản của Lê Hoàng Khang, trong đó 779.200.000 đồng hồi lộ cho Hoàng T và 133.800.000 đồng Vũ Hoài T nhờ Hoàng T nộp lệ phí cấp GPLĐ.

Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của Nguyễn Thành Trung, Đặng Quang Việt và Nguyễn TN, Phó BQL các KCN D trong việc cấp 467 GPLĐ

Từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 3 năm 2022, Đặng Quang Việt, Nguyễn TN và Nguyễn TTLần lượt giữ chức vụ Phó BQL các KCN D, trong đó: Đặng Quang Việt, từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 9 năm 2019; Nguyễn TN, từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 5 năm 2020; Nguyễn Thành Trung, từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 3 năm 2022. Theo phân công nhiệm vụ, Phó BQL các KCN D trực tiếp phụ trách Phòng QLLĐ; chỉ đạo thực hiện công tác cấp GPLĐ cho NNN; ký tư cách Phó BQL các KCN D trong việc cấp GPLĐ cho NNN. Quy trình cấp GPLĐ thực hiện như sau: Doanh nghiệp làm văn bản giải trình về nhu cầu sử dụng lao động NNN; BQL các KCN thẩm định, tổng hợp nhu cầu sử dụng lao động NNN của doanh nghiệp, trình UBND tỉnh chấp thuận; sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh, BQL các KCN có văn bản thông báo cho doanh nghiệp làm hồ sơ cấp GPLĐ; BQL các KCN tiếp nhận hồ sơ, xem xét cấp GPLĐ cho NNN. BQL các KCN D giao cho Phòng QLLĐ tham mưu, đề xuất trước khi lãnh đạo Ban duyệt ký GPLĐ cho NNN.

Từ năm 2019 đến tháng 3 năm 2022, Hoàng T, Trưởng phòng QLLĐ trình 467 hồ sơ; dự thảo GPLĐ; đề xuất lãnh đạo BQL các KCN D cấp 467 GPLĐ cho NNN làm việc tại 94 doanh nghiệp, trong đó: Đặng Quang Việt duyệt ký 86 GPLĐ, Nguyễn TN duyệt ký 149 GPLĐ và Nguyễn TT duyệt ký 232 GPLĐ. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Đặng Quang Việt, Nguyễn TN và Nguyễn TT đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn, duyệt ký GPLĐ cho NNN trái quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, duyệt ký 149 GPLĐ cho NNN trái quy định của pháp luật của Nguyễn TN

Từ tháng 10 năm 2019 đến ngày 09 tháng 11 năm 2021, Hoàng T trình hồ sơ, dự thảo GPLĐ, đề xuất Nguyễn TN duyệt ký 149 GPLĐ cho NNN tại các doanh nghiệp, trong đó: Từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 5 năm 2020, duyệt ký 103 GPLĐ với tư cách Phó BQL các KCN, phụ trách Phòng QLLĐ; trong các ngày 24 tháng 9 năm 2021, ngày 29 tháng 9 năm 2021, ngày 05 tháng 10 năm 2021 và ngày 09 tháng 11 năm 2021, Nguyễn TN không còn phụ trách Phòng QLLĐ nhưng được Trưởng BQL các KCN D phân công duyệt ký 46 GPLĐ thuộc nhiệm vụ của Nguyễn TT do Nguyễn TT nghỉ ốm, nghỉ phép hoặc được điều động chống dịch Covid-19. Hoàng T đề xuất Nguyễn TN tiếp tục cho thực hiện

chủ trương trước đó của Đặng Quang Việt về giải quyết cấp GPLĐ cho NNN trước khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh D. Nguyễn TN đồng ý đề xuất của Hoàng T nhưng không báo cáo, xin ý kiến Trưởng BQL các KCN hoặc UBND tỉnh D. Quá trình xem xét hồ sơ, đề xuất của Hoàng T, Nguyễn TN đã duyệt ký 149 GPLĐ cho NNN trái quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, điều kiện cấp GPLĐ, cụ thể: cấp 18 GPLĐ cho NNN nhưng những người này không phải là chuyên gia, lao động kỹ thuật, không làm việc tại doanh nghiệp; cấp 92 GPLĐ trước khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh D; cấp 12 GPLĐ quá số lượng được UBND tỉnh D chấp thuận; cấp 08 GPLĐ sai vị trí công việc được UBND tỉnh D chấp thuận; cấp 02 GPLĐ cho NNN làm việc tại doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp này không có tên trong danh sách chấp thuận của UBND tỉnh D; cấp 07 GPLĐ khi hồ sơ không đảm bảo thủ tục về hộ chiếu, visa, văn bản cam kết phòng chống dịch Covid-19 theo quy định. Kết quả điều tra xác định 149 hồ sơ Nguyễn TN duyệt ký GPLĐ cho NNN đều do Vũ Hoài T làm giả, không đủ điều kiện để xem xét cấp GPLĐ; Vũ Hoài T đã đưa hối lộ cho Hoàng T để các hồ sơ được giải quyết cấp GPLĐ.

Nguyễn TN biết rõ các quy định của pháp luật về cấp GPLĐ cho NNN; việc cấp 149 GPLĐ như trên là trái quy định của pháp luật về điều kiện, trình tự, thủ tục cấp GPLĐ cho NNN, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước trong thực hiện chính sách về lao động, việc làm. Về động cơ vi phạm: Do Hoàng T đề xuất thực hiện chủ trương trước đó của Đặng Quang Việt về việc giải quyết cấp GPLĐ cho NNN trước khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh D; đồng thời, vì thành tích thi đua của tập thể và cá nhân trong giải quyết nhanh thủ tục hành chính, tạo điều cho doanh nghiệp sớm được giải quyết cấp GPLĐ, Nguyễn TN đã ký 149 GPLĐ cho NNN trái quy định của pháp luật.

* Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn trình bày việc thu giữ đồ vật, tài liệu; kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản; không xử lý hình sự đối với những cá nhân liên quan và việc tách vụ án để tiếp tục điều tra.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 138/2023/HS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh D, quyết định:

Tuyên bố:

- Các bị cáo Nguyễn Kiên C, Hoàng T, Đinh Gphạm tội “Nhận hối lộ”;
- Các bị cáo Vũ Hoài T, Nguyễn XLphạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Đưa hối lộ”;
- Các bị cáo Trần MH , Sầm NS phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Đưa hối lộ”;

- Các bị cáo Bùi VT, Bùi Văn Bảo, Phạm Trường C3 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”;

- Các bị cáo Lê Minh Quốc C, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn TN, Đặng Quang Việt phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”;

- Các bị cáo Quảng Th, Nguyễn ĐT phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

- Bị cáo Nguyễn Khánh Vân phạm tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 354; điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Kiên C 16 (mười sáu) năm tù về tội “Nhận hối lộ”, thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 3 năm 2022;

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 354; điểm b, s, t, v khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Xử phạt bị cáo Hoàng T 13 (mười ba) năm tù về tội “Nhận hối lộ”, thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 6 năm 2022;

3. Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; khoản 4 Điều 364; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Xử phạt bị cáo Vũ Hoài T 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 09 (chín) năm tù về tội “Đưa hối lộ”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự: tổng hợp hình phạt 02 tội buộc bị cáo Vũ Hoài T chấp hành hình phạt chung là 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 3 năm 2022;

4. Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; khoản 4 Điều 364; điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Xử phạt bị cáo Trần MH 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 06 (sáu) năm tù về tội “Đưa hối lộ”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: tổng hợp hình phạt 02 tội buộc bị cáo Trần MH chấp hành hình chung là 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 10 năm 2022;

5. Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; khoản 4 Điều 364; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Xử phạt bị cáo Sầm NS 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 07 (bảy) năm tù về tội “Đưa hối lộ”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: tổng hợp hình phạt 02 tội buộc bị cáo Sầm NS chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 8 năm 2022;

6. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 348; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Bùi VT 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 05 (năm) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: tổng hợp hình phạt 02 tội buộc bị cáo Bùi VT chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 5 năm 2022;

7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 356; điểm s, t, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Xử phạt bị cáo Nguyễn TN 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, thời hạn tù tính ngày bắt bị cáo để thi hành án, khấu trừ thời gian đã tạm giam (từ ngày 17 tháng 4 năm 2023 đến ngày 22 tháng 6 năm 2023);

8. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Quảng Th 01 (một) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án;

9. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn ĐT 01 (một) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án;

Bản án sơ thẩm còn quyết định xử phạt các bị cáo: Đinh Thái Tuấn, Nguyễn Xuân Lâm, Bùi Văn Bảo, Phạm Trường C3, Lê Minh Quốc C, Nguyễn Thành Trung, Đặng Quang Việt, Nguyễn Khánh Vân.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm:**

- Ngày 26/10/2023, bị cáo Đinh Gcó đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù; Ngày 06/11/2023, bị cáo Đinh Gđã có văn bản về việc rút toàn bộ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần hình phạt của bị cáo Đinh Gtheo Quyết định số 04/2024/HSPT-QĐ ngày 01/3/2024.

- Các ngày 25-26/10/2023 và ngày 01/11/2023, các bị cáo Vũ Hoài T, Sầm NS, Trần MH , Bùi VT, Nguyễn Kiên C, Hoàng T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Các ngày 26-27/10/2023, các bị cáo Nguyễn TN, Nguyễn ĐT, Quảng Th có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:

Trong vụ án này, quá trình xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho tất cả các bị cáo, hầu hết tất cả các bị cáo đã được hưởng mức án dưới khung hình phạt. Vì lẽ đó, không có cơ sở để tiếp tục giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Riêng đối với trường hợp của bị cáo Nguyễn TN hiện nay có sức khỏe yếu, có nhiều thành tích trong quá trình công tác. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo, cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách nhất định đối với bị cáo này.

*Các Luật sư bào chữa phát biểu quan điểm tranh luận như sau:

-Luật sư bào chữa cho bị cáo C:

Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo C là quá nghiêm khắc. Bị cáo không hề biết những tài liệu này là giả trong quá trình thụ lý, giải quyết hồ sơ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo.

Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã khắc phục toàn bộ số tiền nhận hối lộ. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét các thành tích của bị cáo này bị cáo là cháu và là người thờ cúng Bà Mẹ Việt Nam anh hùng; là cháu ruột của Liệt sỹ; tham gia nhiều hoạt động từ thiện được tặng Giấy khen.

Đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới và giảm hình phạt cho bị cáo C.

-Luật sư bào chữa cho bị cáo Hoàng T:

Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo Hoàng T luôn thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi của mình. Bản thân bị cáo thuộc gia đình có công với cách mạng. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện nay bản thân bị cáo và vợ bị nhiều loại bệnh nền. Đồng thời, trong vụ án này bị cáo không phải là người ký các Giấy phép lao động, bị cáo không phải là người có quyền hạn. Bị cáo đã nộp khắc phục toàn bộ số tiền nhận hối lộ.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

-Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Hoài T:

Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là quá nặng; bị cáo mồ côi cha, mẹ từ sớm, vì vậy nhận thức pháp luật có nhiều hạn chế; quá trình điều tra và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả và thuộc thành phần gia đình có công với Cách mạng.

Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

-Luật sư bào chữa cho bị cáo MH:

Vai trò của bị cáo trong vụ án hỗ trợ cho các Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Khi nhận thức được việc làm sai trái, bị cáo đã tự ý chấm dứt sai phạm.

Bản thân bị cáo là người Hoa, nhận thức pháp luật hạn chế; hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng vẫn cố gắng khắc phục toàn bộ hậu quả. Bị cáo có nhân thân tốt; có nhiều thành tích cho cộng đồng và được tặng Giấy khen.

Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

-Luật sư bào chữa cho bị cáo NS:

Bị cáo có một số tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm chưa xem xét, cụ thể: bị cáo là người dân tộc Hoa, văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế.

Bị cáo có nhiều thành tích trong sản xuất được tặng Bằng khen; đã nộp tiền khắc phục hậu quả.

Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

-Luật sư bào chữa cho bị cáo VT:

Thống nhất về tội danh. Đề nghị xem xét lại việc cấp sơ thẩm nhận định và xác định bị cáo có vai trò chủ mưu, vì bị cáo không chỉ đạo ai làm giả tài liệu.

Các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò thực hiện tội phạm. Hoàn cảnh phạm tội là trong thời điểm đại dịch Covid 19; vai trò của bị cáo là nhận dịch vụ từ Hà Nội.

Bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; hành vi của bị cáo không gây nguy hiểm cho xã hội; bị cáo có nhiều đóng góp cho xã hội, hoàn cảnh khó khăn, hiện phải nuôi 03 con nhỏ.

Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

-Luật sư bào chữa cho bị cáo TN:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, vì lý do:

Bị cáo có nhiều thành tích trong công tác, được nhiều cá nhân, tổ chức có đơn đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo; hoàn cảnh của bị cáo hiện nay có nhiều bệnh nền và phải chăm sóc cha, mẹ già.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

-Luật sư bào chữa cho bị cáo Th:

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét như: gia đình có công với cách mạng; tính chất, mức độ hành vi phạm tội là hạn chế. Bị cáo có nhân thân tốt đủ điều kiện được hưởng án treo.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 26/10/2023, bị cáo Đinh Gcó đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù; Ngày 06/11/2023, bị cáo Đinh Gđã có văn bản về việc rút toàn bộ kháng cáo

xin giảm nhẹ hình phạt. Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần hình phạt của bị cáo Đinh Gtheo Quyết định số 04/2024/HSPT-QĐ ngày 01/3/2024. Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo này.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Có thể nói trong vụ án này, hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước trong thực hiện chính sách lao động, việc làm; xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; xâm phạm trật tự quản lý hành chính, đối nội, đối ngoại của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, làm cho cơ quan, tổ chức, bị suy yếu, mất uy tín, làm cho nhân dân giảm niềm tin vào người thực thi công vụ và các cơ quan Nhà nước; đặc biệt là đối với các bị cáo phạm tội nhận hối lộ đã vi phạm quy định về luật phòng, chống tham nhũng. Các bị cáo là công chức Nhà nước, người có chức vụ, quyền hạn, có trách nhiệm thực hiện công vụ, nhưng vì vụ lợi đã lợi dụng vị trí công tác, cố ý làm trái công vụ để nhận tiền hối lộ với số tiền đặc biệt lớn của các cá nhân có liên quan đến công việc của các bị cáo đang giải quyết.... Do vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với vai trò của từng bị cáo, nhằm tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Căn cứ yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, qua xem xét, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định và đánh giá như sau:

[2.1] Thứ nhất: Đối với nhóm các bị cáo phạm tội “Nhận hối lộ” gồm: Nguyễn Kiên C và bị cáo Hoàng T, thấy rằng:

Các bị cáo Nguyễn Kiên C, Hoàng T, Đinh G thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, vi phạm pháp luật hình sự, vi phạm luật phòng, chống tham nhũng. Các bị cáo là công chức Nhà nước, người có chức vụ, quyền hạn, có trách nhiệm thực hiện công vụ, nhưng vì vụ lợi đã lợi dụng vị trí công tác, cố ý làm trái công vụ để nhận tiền hối lộ với số tiền đặc biệt lớn của các cá nhân có liên quan đến công việc của các bị cáo đang giải quyết, để thực hiện các yêu cầu của các bị cáo đưa hối lộ, gây thiệt hại cho các cá nhân, tổ chức và Nhà nước.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã thu thập và các lời khai nhận của các bị cáo, có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Nguyễn Kiên C từ năm 2017 đến năm 2022, lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc thẩm định hồ sơ, đề xuất lãnh đạo Sở LĐTBXH tỉnh D cấp GPLĐ cho NNN, Nguyễn Kiên C đã nhận hối lộ 8.362.500.000 đồng của Vũ Hoài T,

Trần MH và Sầm NS để giải quyết 2.300 hồ sơ được cấp GPLĐ. Hành vi của Nguyễn Kiên C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Nhận hối lộ” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 354 của Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Hoàng T từ năm 2019 đến tháng 3 năm 2022, lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc xét duyệt hồ sơ, đề xuất lãnh đạo BQL các KCN D cấp GPLĐ cho NNN, Hoàng T đã nhận hối lộ 1.522.700.000 đồng của Vũ Hoài T để giải quyết 467 hồ sơ được cấp GPLĐ. Hành vi của Hoàng T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Nhận hối lộ” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 354 của Bộ luật Hình sự.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá và cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo luật định. Theo đó, căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Nguyễn Kiên C mức hình phạt 16 (mười sáu) năm tù về tội “Nhận hối lộ” và bị cáo Hoàng T mức hình phạt 13 (mười ba) năm tù cùng về tội danh này là phù hợp. Các bị cáo này kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới, vì vậy không có cơ sở để xem xét.

[2.2] Thứ hai: Đối với các bị cáo thuộc nhóm phạm các tội “Đưa hối lộ” và “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” gồm bị cáo Vũ Hoài T, Sầm NS và bị cáo Trần MH thấy rằng:

Bị cáo Vũ Hoài T, từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 3 năm 2022 đã nhận làm GPLĐ cho 1.862 NNN trái quy định của pháp luật. Bị cáo đã làm giả 03 con dấu và 4.686 tài liệu của cơ quan, tổ chức để lập 1.862 hồ sơ cấp GPLĐ tại Sở LĐTBXH tỉnh D, BQL các KCN D và BQL KKT R; đưa hối lộ với số tiền 6.682.700.000 đồng cho Nguyễn Kiên C, Hoàng T và Đinh Thái Tuấn. Hành vi của Vũ Hoài T đã đủ yếu tố cấu thành các tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại các điểm a, c khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự và tội “Đưa hối lộ” quy định tại khoản 4 Điều 364 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần MH, từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 6 năm 2021 đã nhận làm GPLĐ cho 626 NNN trái quy định của pháp luật. Bị cáo đã làm giả 1.892 tài liệu của cơ quan, tổ chức, trong đó: làm giả 1.479 tài liệu để lập 626 hồ sơ cấp GPLĐ, giúp Sầm NS làm giả 413 tài liệu hồ sơ cấp GPLĐ. Bị cáo đưa hối lộ 2.096.500.000 đồng cho Nguyễn Kiên C. Hành vi của Trần MH đã đủ yếu tố cấu thành các tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại các điểm a, c khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự và tội “Đưa hối lộ” quy định tại khoản 4 Điều 364 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Sầm NS, từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 12 năm 2021 đã nhận làm GPLĐ cho 619 NNN trái quy định của pháp luật. Bị cáo đã làm giả 1.465 tài liệu của cơ quan, tổ chức để lập 619 hồ sơ cấp GPLĐ; đưa hối lộ 1.857.000.000 đồng cho Nguyễn Kiên C. Hành vi của Sầm NS đã đủ yếu tố cấu thành các tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại các điểm a, c khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự và tội “Đưa hối lộ” quy định tại khoản 4 Điều 364 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, với tính chất, mức độ của các hành vi phạm tội mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định cho thấy: với số tiền các bị cáo đã dùng đưa hối lộ và số tài liệu làm giả, cũng như các tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo cho thấy: quá trình quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và chiếu cố nhiều cho các bị cáo này. Vì lẽ đó, việc các bị cáo tiếp tục kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Thứ ba: Đối với các bị cáo phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” gồm: Bùi VT, Nguyễn ĐT và Quảng Th, thấy rằng:

Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội trên cơ sở số lượng tài liệu làm giả, vai trò của từng bị cáo trong quá trình thực hiện tội phạm, trong đó các bị cáo Nguyễn ĐT và Quảng Th tham gia với vai trò là đồng phạm giúp sức, đồng thời có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Bùi VT 01 năm 06 tháng tù; bị cáo Nguyễn ĐT và Quảng Th mỗi bị cáo 01 năm tù là có phần nhẹ. Tuy nhiên, do không có kháng nghị theo hướng tăng nặng hình phạt nên Hội đồng xét xử không xem xét, đồng thời không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo này.

[2.4] Thứ tư: Đối với hành vi phạm tội “Tổ chức cho người nước ngoài ở lại Việt Nam trái phép” của bị cáo Bùi VT thấy rằng: Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, căn cứ số lượng người mà bị cáo tổ chức cho ở lại Việt Nam trái phép thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự có mức hình phạt khởi điểm là 07 năm tù; bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và 01 tình tiết tăng trách nhiệm hình sự, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên về tội danh này (05 năm tù) là đã có chiếu cố nhiều cho bị cáo. Vì vậy, việc bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.5] Thứ năm: Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn TN thấy rằng:

Có thể nói trong vụ án này, nhóm các bị cáo “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” đã vì nể nang và tin tưởng cấp dưới nhờ tạo điều kiện cấp Giấy phép lao động cho doanh nghiệp khi hồ sơ còn thiếu thủ tục, chưa đủ

điều kiện theo quy định; đồng thời vì thành tích cá nhân và tập thể trong việc giải quyết nhanh thủ tục hành chính, không muốn UBND tỉnh nhắc nhở, phê bình; vì muốn tạo điều kiện cho một số doanh nghiệp nhờ giải quyết cấp Giấy phép lao động cho Người nước ngoài mà thực hiện hành vi trái pháp luật. Hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến uy tín, hình ảnh của cá nhân thực hiện công vụ và cơ quan Nhà nước tại địa phương.

Qua xem xét, đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc nhóm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” gồm các bị cáo Lê Minh Quốc C, Nguyễn Thành Trung, Đặng Quốc Việt và Nguyễn TN, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng:

Xét về bối cảnh và nguyên nhân thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn TN đã cho thấy: Từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 05 năm 2020 theo đề xuất của bị cáo Hoàng T về việc đề nghị tiếp tục cho thực hiện chủ trương trước đó của bị cáo Đặng Quang Việt (đã nghỉ hưu) về việc giải quyết cấp Giấy phép lao động cho Người nước ngoài, bị cáo đã đồng ý và duyệt ký 103 Giấy phép lao động với tư cách là Phó Ban quản lý các KCN, phụ trách Phòng Quản lý lao động. Thời gian sau đó, vào năm 2021 mặc dù không còn phụ trách Phòng Quản lý lao động nhưng khi được Trưởng Ban Quản lý các KCN D phân công duyệt ký 46 Giấy phép lao động thuộc nhiệm vụ của Nguyễn TT do bị cáo này nghỉ ốm, nghỉ phép hoặc được điều động chống covid – 19, bị cáo đã tin tưởng và duyệt ký.

Qua xem xét, đánh giá về bối cảnh chung và động cơ thực hiện hành vi trái pháp luật của các bị cáo phạm tội này là vì thành tích thi đua của tập thể và cá nhân trong việc giải quyết nhanh thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho Doanh nghiệp sớm được cấp phép lao động.

Ở trường hợp của bị cáo Nguyễn TN, trong thời gian thực hiện hành vi duyệt cấp Giấy phép lao động với cương vị là người được chỉ định tạm thời thực hiện nhiệm vụ về công tác lao động thay thế cho bị cáo Đặng Quang Việt đã nghỉ hưu trong thời gian ngắn (09 tháng); không chủ động trong việc nghiên cứu và một phần áp lực phải thực hiện kịp thời; việc giải quyết hồ sơ theo đề xuất và trình tự của người tiền nhiệm và một phần cũng vì áp lực về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính mà thực hiện hành vi trái pháp luật.

Xét về nhân thân bị cáo này thấy rằng: Bản thân bị cáo đã có thời gian cống hiến lâu dài (27 năm), được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch – Đầu tư, Tỉnh Ủy tỉnh D, Chủ tịch UBND tỉnh D tặng nhiều Bằng khen...

Bên cạnh đó, trong thời gian được tại ngoại, bị cáo Nhân luôn chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và sinh hoạt nơi cư trú; không có biểu hiện vi phạm pháp luật.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, đánh giá toàn diện về tính chất, mức độ, bối cảnh, nguyên nhân phạm tội và nhân thân của bị cáo Nguyễn TN, thấy rằng: bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt; trong thời gian tại ngoại luôn chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước... Từ đó, việc chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nhân, áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng hưởng án treo, giao bị cáo về nơi cư trú để địa phương giám sát và bị cáo tự cải tạo cũng đủ sức răn đe bị cáo và cũng đảm bảo phòng ngừa chung cho xã hội; đã thể hiện sự khoan HỒNG của pháp luật và không trái quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/8/2018 hướng dẫn áp dụng về điều kiện cho hưởng án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Quan điểm của các Luật sư bào chữa cho bị cáo Nhân là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Các bị cáo Nguyễn Kiên C, Hoàng T, Vũ Hoài T, Sầm NS, Trần MH , Bùi VT, Nguyễn ĐT và Quảng Th không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

Bị cáo Nguyễn TN không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Điều 355; các điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Kiên C, Hoàng T, Vũ Hoài T, Sầm NS, Trần MH , Bùi VT, Nguyễn ĐT và Quảng Th .

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn TN.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 138/2023/HSST ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh D về hình phạt đối với các bị cáo Hoàng T và Nguyễn TN.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Kiên C, Hoàng T phạm tội “Nhận hối lộ”;

Các bị cáo Vũ Hoài T, Trần MH , Sầm NS phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Đưa hối lộ”;

Các bị cáo Bùi VT phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”;

Bị cáo Nguyễn TN phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”;

Các bị cáo Quảng Th , Nguyễn ĐT phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 354; điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Kiên C 16 (mười sáu) năm tù về tội “Nhận hối lộ”, thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 3 năm 2022;

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 354; điểm b, s, t, v khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Xử phạt bị cáo Hoàng T 13 (mười ba) năm tù về tội “Nhận hối lộ”, thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 6 năm 2022;

3. Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; khoản 4 Điều 364; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Xử phạt bị cáo Vũ Hoài T 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 09 (chín) năm tù về tội “Đưa hối lộ”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự: tổng hợp hình phạt 02 tội buộc bị cáo Vũ Hoài T chấp hành hình phạt chung là 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 3 năm 2022;

4. Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; khoản 4 Điều 364; điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Xử phạt bị cáo Trần MH 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 06 (sáu) năm tù về tội “Đưa hối lộ”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: tổng hợp hình phạt 02 tội buộc bị cáo Trần MH chấp hành hình chung là 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 10 năm 2022;

5. Áp dụng điểm a, c khoản 3 Điều 341; khoản 4 Điều 364; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Xử phạt bị cáo Sầm NS 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 07 (bảy) năm tù về tội “Đưa hối lộ”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: tổng hợp hình phạt 02 tội buộc bị cáo Sầm NS chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 8 năm 2022;

6. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 348; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Bùi VT 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 05 (năm) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: tổng hợp hình phạt 02 tội buộc bị cáo Bùi VT chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24 tháng 5 năm 2022;

7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 356; điểm s, t, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/8/2018; Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Xử phạt bị cáo Nguyễn TN 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn TN về cho Ủy ban nhân dân phường Phú C, Thành phố M, tỉnh D giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

8. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Quảng Th 01 (một) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án;

9. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn ĐT 01 (một) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án;

Tiếp tục giam giữ các bị cáo đang bị tạm giam để đảm bảo cho việc thi hành án.

* Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Kiên C, Hoàng T, Vũ Hoài T, Sầm NS, Trần MH , Bùi VT, Nguyễn ĐT và Quảng Th phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, mỗi bị cáo là 200.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn TN không phải chịu án phí phúc thẩm.

* Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh D;
- VKSND tỉnh D;
- Cục THADS tỉnh D;
- Công an tỉnh D;
- Sở Tư pháp tỉnh D;
- Trại tạm giam tỉnh D;
- Trại tạm giam B34;
- (Tổng đạt cho bị cáo)
- Lưu: HS, VP. 35b NThuy

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Mười

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Nguyễn Thị T

Phạm Công Mười

